

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT **2013**



TRANSIMEX-SAIGON
1983 - 2013

Không ngừng lớn mạnh

Ceaseless expansion

04
THÔNG ĐIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HĐQT

06
Thông tin chung
Lịch sử phát triển

08
Ngành nghề kinh
doanh
Định hướng phát
triển

09
Trụ sở chính
Và các chi nhánh

10
Công ty con
và mạng lưới
thành viên

12
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

12
Tình hình hoạt
động năm 2013

16
Kết quả đạt được
qua 10 năm
(2003-2013)

18
Tình hình tài chính

20
Tổ chức và nhân sự

22
HỘI ĐỒNG QUẢN
TRỊ

24
Ban điều hành
Ban kiểm soát

28
Các tiểu ban và hội
đồng quản trị

29
Báo cáo của Hội
đồng quản trị

35
Báo cáo của
Tổng giám đốc

40
Báo cáo của
Ban Kiểm soát

44
Báo cáo của
Ban Tổng giám đốc

48
Báo cáo kiểm toán
độc lập

56
Thuyết minh báo
cáo tài chính hợp
nhất



TRANSIMEX-SAIGON
1983 - 2013

KHÔNG NGỪNG LỚN MẠNH
Ceaseless expansion



THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông và Quý vị khách hàng cùng toàn thể CB-CNV Công ty CP Transimex-Saigon.

Như vậy là Quý vị đã đồng hành cùng chúng tôi trải qua một năm 2013 trong bối cảnh đầy khó khăn thách thức của nền kinh tế Việt nam nói chung, cũng như của thị trường Logistics Việt Nam nói riêng. Kết quả đạt được cho thấy so với kết quả năm 2012, toàn Công ty đã đạt doanh thu 398,3 tỷ đồng (tăng 3,8% so với thực hiện 2012), lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 110,7 tỷ đồng (tăng 16% so với thực hiện 2012), đây là một kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh khó khăn chung hiện nay. Để đạt được kết quả này, toàn bộ CB-CNV Công ty đã nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi, cùng với sự điều hành tốt của Ban điều hành, và không thể thiếu sự chỉ đạo sâu sát thường xuyên của Hội đồng quản trị, nhân dịp này tôi xin chân thành cảm ơn tất cả sự đóng góp quý báu đó, đồng thời cũng chân thành cảm ơn sự ủng hộ nhiệt tình của Quý khách hàng, Quý đối tác và Quý vị cổ đông.

Qua kết quả doanh thu, lợi nhuận của năm 2013, cho thấy TMS đã đi đúng định hướng phát triển mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra, đó là tập trung vào ngành nghề truyền thống bao gồm dịch vụ Cảng, vận tải đa phương thức, dịch vụ Logistics tổng thể, dịch vụ hàng dự án và đầu tư vào các doanh nghiệp cùng ngành nghề nhằm bổ sung, đa dạng hóa dịch vụ cho chuỗi cung ứng dịch vụ của Công ty. Song song với phát triển những dịch vụ trụ cột, Công ty cũng tập trung hoàn thiện hơn nữa việc quản trị công ty bao gồm quản trị tài chính, quản trị chuỗi cung ứng, quản trị nhân lực, quản trị chi phí ... kết hợp với đầu tư áp dụng công nghệ thông tin (bao gồm phần mềm quản lý Kho theo chuẩn WMS, phần mềm quản lý chuỗi cung ứng, phần mềm quản lý nghiệp vụ giao nhận, phần mềm quản lý tài chính ...) nhằm hiện đại hóa chuỗi cung ứng dịch vụ, tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Năm 2013 cũng là dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty Cổ phần Transimex-Saigon (Công ty Kho vận Giao nhận Ngoại thương khi mới thành lập), từ ngày thành lập năm 1983 với vốn veyn 19 CB-NV, vốn điều lệ 120 triệu đồng; tại thời điểm cổ phần hóa năm 2000 với vốn điều lệ 22 tỷ đồng, doanh thu năm 2000 đạt 60 tỷ đồng, nay Công ty đã có số vốn điều lệ hơn 230,7 tỷ đồng, hơn 400 CB-NV, doanh thu đạt trên 400 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 100 tỷ đồng. Những con số nêu trên đã minh chứng cho một quá trình phát triển không ngừng của Công ty về cả lượng và chất. Nhân dịp này, chúng tôi xin được tri ân những đóng góp vô cùng quý báu của những thế hệ cán bộ lãnh đạo, cán bộ nhân viên tiền nhiệm đã đóng góp cho sự phát triển không ngừng của Công ty.

Bước sang năm 2014, theo dự báo của chính phủ cũng như các tổ chức, chuyên gia kinh tế uy tín là có khả quan, nhưng vẫn còn đó những khó khăn thách thức, thị trường Hàng hải & Hàng không vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục. Thêm vào đó, năm 2014 là năm mở cửa hoàn toàn thị trường Logistics theo cam kết với WTO, sẽ làm cho thị trường dịch vụ Logistics càng cạnh tranh khốc liệt hơn nữa. Tuy vậy, với truyền thống tốt đẹp và đầy tự hào của 30 năm thành lập và phát triển, chúng tôi vẫn tiếp tục xây dựng một kế hoạch ngân sách tích cực (Lợi nhuận trước thuế tăng : 8%) cho năm 2014.

Trong năm 2014, chúng tôi sẽ tập trung vào những định hướng sau:

Một là: Tiếp tục tập trung phát triển và hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics, trong đó tập trung đầu tư trang thiết bị làm hàng siêu trường siêu trọng phát triển dịch vụ phân phối và vận tải đa phương thức quốc tế, vận tải container bằng sà lan, dịch vụ vận tải container đường biển nội địa, dịch vụ đại lý container chuyên tuyến quốc tế.

Hai là: Tăng cường khai thác có hiệu quả những cơ sở hạ tầng đã đầu tư bao gồm Cảng ICD Transimex, Trung tâm phân phối (TMS DC), Kho lạnh. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư những trung tâm Logistics tại những vị trí tiềm năng với tầm nhìn cho những năm 2020.

Ba là: Tập trung cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ cũng như hoàn thiện chuỗi cung ứng tại các địa phương có tiềm năng trong tương lai, đặc biệt là Hà nội và Hải phòng.

Bốn là: Tăng cường quản lý có hiệu quả việc đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết thông qua các hình thức kết nối về dịch vụ, hợp tác kinh doanh và tham gia công tác quản trị ..nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư cũng như đa dạng hóa chuỗi cung ứng dịch vụ của TMS.

Cuối cùng là luôn luôn coi trọng công tác quản trị trong toàn Công ty, công tác đào tạo nguồn nhân lực, luôn coi yếu tố con người là yếu tố quyết định của Công ty, chăm lo cải thiện đời sống người lao động.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi đến quý vị cổ đông, quý khách hàng, quý đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Cổ phần Transimex-Saigon lời chúc sức khỏe, an khang và thịnh vượng.

Trân trọng.



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch HĐQT

THÔNG TIN CHUNG

Tên tiếng Việt	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON
Tên tiếng Anh	TRANSMEX-SAIGON CORPORATION
Tên giao dịch	TRANSIMEX-SAIGON
Mã chứng khoán	TMS
Địa chỉ trụ sở chính	Lầu 9-10, TMS BUILDING, 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	+ 84-8-2220 2888 (16 lines)
Fax	+ 84-8-2220 2889
E-mail	info@transimexsaigon.com
Website	www.transimexsaigon.com
Vốn điều lệ	230.738.240.000 đồng (Hai trăm ba mươi tỉ bảy trăm ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng)
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.073.824 CP
Ngân hàng	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam, chi nhánh TP. HCM
Số tài khoản	VNĐ 007.100.0006146 - USD 007.137.0082671
Giấy đăng ký kinh doanh số	0301874259 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 10/04/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 22.

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1983	Công ty Transimex-Saigon tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, thành lập năm 1983, tại 172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Q. I, TP. HCM
1989	Là thành viên của Hiệp hội VIFFAS, VCCI
1993	Lập các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hải Phòng
1996	Mở rộng chức năng hoạt động: Kho CFS, Kho ngoại quan
1998	Thành lập Cảng trung chuyển ICD Transimex
2000	1/2000: Transimex-Saigon chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo QĐ số: 989/QĐ-TTg, ngày 26/10/1999 của Thủ Tướng Chính Phủ. Vốn điều lệ ban đầu: 22 tỷ đồng Niêm yết cổ phiếu lần đầu tiên Ngày 04/08/2000 , tổng số: 2.200.000 Cổ phiếu của Transimex-Saigon chính thức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM, với mã chứng khoán TMS, giá chào sà:14.000 đồng/Cổ phiếu.
2002	Khánh thành Cảng thông quan nội địa ICD Transimex.
2003	Nhận chứng chỉ ISO 9001-2000.
2004	6/2004 : TMS tăng vốn điều lệ lên 33 tỷ đồng
2005	Xây mới cầu cảng 180m - cho tàu, xà lan 1.000 DW; xây Kho CFS 2.000 m2. 9/2005: TMS tăng vốn điều lệ lên 42,9 tỷ đồng
2007	Xây dựng cao ốc TMS BUILDING, tại 172 Hai Bà Trưng, Phường Đakao, Q. I 8/2007: TMS tăng vốn điều lệ lên 63,48 tỷ đồng
2008	12/2008: TMS tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng



-
- 2009** **03/2009:** Thành lập Công ty TNHH MTV Bắt động sản Transimex-Saigon (TMS PROPERTY) và Công ty TNHH MTV Vận tải giao nhận Ngoại thương (TMS TRANS)
04/2009: Tòa nhà TMS|BUILDING chính thức đi vào hoạt động.
07/2009: TMS tăng vốn điều lệ lên 101 tỷ đồng
10/2009: TMS tăng vốn điều lệ lên 132 tỷ đồng

-
- 2010** **12/2010:** Đón nhận Chứng nhận cam kết chất lượng - (HTQLCL) đạt chuẩn ISO 9001: 2008 vào năm 2010 do SGS cấp
10/2010: Khai trương Kho lạnh và Kho mát tại cảng ICD Transimex
7/2010: Đạt giải “Báo cáo thường niên tốt nhất” 2009, do HOSE cấp và trao tặng kỷ niệm chương “vì thành tích đóng góp liên tục 10 năm đối với ngành chứng khoán Việt Nam”
6/2010: Ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh cảng Hải An - Hải Phòng với Công ty TNHH Vận tải & Xếp dỡ Hải An.
1/2010: TMS tăng vốn điều lệ lên 165,15 tỷ đồng

-
- 2011** **8/2011:** Hội nghị giới thiệu dịch vụ Logistics của Công ty cp Transimex-Saigon với các Công ty thành viên của Tổng công ty thương mại Saigon (Satra).
8/2011: Lễ công bố hoàn thành dự án “Qui hoạch và nâng cấp Cảng ICD Transimex”.
7/2011: TMS tăng vốn điều lệ lên 182,75 tỷ đồng

-
- 2012** Xây dựng Trung tâm Phân Phối Transimex (Transimex DC), tổng diện tích 18.000 m², tổng vốn đầu tư: 80.000.000.000 đồng (trong đó: Công ty CP Transimex-Saigon góp 50.000.000.000 đồng), tại KCN Sóng thần 2, tỉnh Bình Dương. Qui mô dự án: 70.000.000.000 đồng/năm
9/2012: Thành lập Công ty TNHH MTV Trung Tâm Phân Phối Transimex (Transimex DC)
7/2012: TMS tăng vốn điều lệ lên 230,75 tỷ đồng
4/2012: Ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ Logistics cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2” với Tập đoàn Điện khí Thượng Hải.
3/2012: Ký kết “Thỏa thuận liên kết hợp tác kinh doanh - Hợp tác chiến lược” với Công ty Vinafreight

-
- 2013** **11/4/2013:** Hoàn thành dự án Trung tâm Phân Phối Transimex (Transimex DC) và đã đưa vào hoạt động.
10/4/2013: Thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ Phần Transimex-Saigon
-

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Từ năm 1983 đến nay, trải qua 30 năm hình thành và phát triển, hiện nay Công ty Cổ phần Transimex-Saigon vẫn luôn duy trì hoạt động các ngành chính hiện có và mở rộng phát triển thêm các ngành có thể mạnh khác, cụ thể như sau:

- Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và đường bộ, dịch vụ Logistics.
- Dịch vụ Cảng ICD, kho ngoại quan, kho CFS, kho lạnh, kho DC (Distribution Center) và kho thường. Dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ làm thủ tục Hải Quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hóa cho tàu biển trong và ngoài nước.
- Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- Dịch vụ vận tải đường thủy.
- Đầu tư kinh doanh Tài chính - Chứng khoán.
- Dịch vụ cho thuê văn phòng; Đầu tư phát triển các dự án bất động sản.
- Dịch vụ đóng gói, kê ký mã hiệu hàng hóa.
- Dịch vụ vận chuyển hàng quá cảnh.
- Đại lý du lịch, Kinh doanh tổng hợp.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU

xây dựng Transimex-Saigon trở thành một tập đoàn Logistics đa năng, có phạm vi hoạt động quốc tế, có vị thế hàng đầu Việt Nam; mang lại cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất, hài hòa lợi ích giữa khách hàng, cổ đông và người lao động.



CHIẾN LƯỢC

Giai đoạn 1 (2011-2015): Duy trì và phát triển mô hình Công ty mẹ và Công ty con

Giai đoạn 2 (2016-2020):

- Hoàn thiện các điều kiện để trở thành tập đoàn Logistics đa năng;
- Tiếp tục khẳng định vị thế đối với mạng hoạt động kinh doanh cốt lõi của Transimex-Saigon là Logistics;
- An toàn và hiệu quả kinh doanh là mục tiêu hàng đầu
- Phát triển trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại với nguồn nhân lực chất lượng cao và quản trị theo chuẩn mực quốc tế;
- Phát triển và mở rộng qui mô hoạt động thông qua mua bán sáp nhập và hợp nhất khi có đủ điều kiện.

TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CÁC CHI NHÁNH

TRỤ SỞ CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON
Lầu 9-10, TMS|BUILDING,
172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Q. 1, Tp. HCM
Tel: (84-8) 2220 2888 (16 lines)
Fax: (84-8) 2220 2889
Email: info@transimexsaigon.com
Website: www.transimexsaigon.com

CÁC CHI NHÁNH

CN TRANSIMEX-SAIGON TẠI HÀ NỘI

Phòng 1702, tầng 17, 17T4 Building,
Hoàng Đạo Thúy, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Tel: (84-4) 62511 222 - Fax: (84-4) 6251 1380
Email: tmsnh.info@transimexsaigon.com

CN TRANSIMEX-SAIGON tại HẢI PHÒNG

Phòng 8, tầng 1, Tòa nhà Thành Đạt,
Số 3 Lê Thánh Tông, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: (84-313) 355 2735 /36/37/38
Fax: (84-313) 355 2739
Email: tmsph.info@transimexsaigon.com

CN TRANSIMEX-SAIGON tại ĐÀ NẴNG

Số 25-27 Hoàng Văn Thụ, Q. Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511) 3561587 /88 - Fax: (84-511) 356 1589
Email: tmsdn.info@transimexsaigon.com

TRUNG TÂM KHO CẢNG ICD TRANSIMEX

7/1, Ấp Bình Thọ, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức
Tel: (84-8) 3731 1528 - Fax: (84-8) 3731 3079
Email: icd.info@transimexsaigon.com

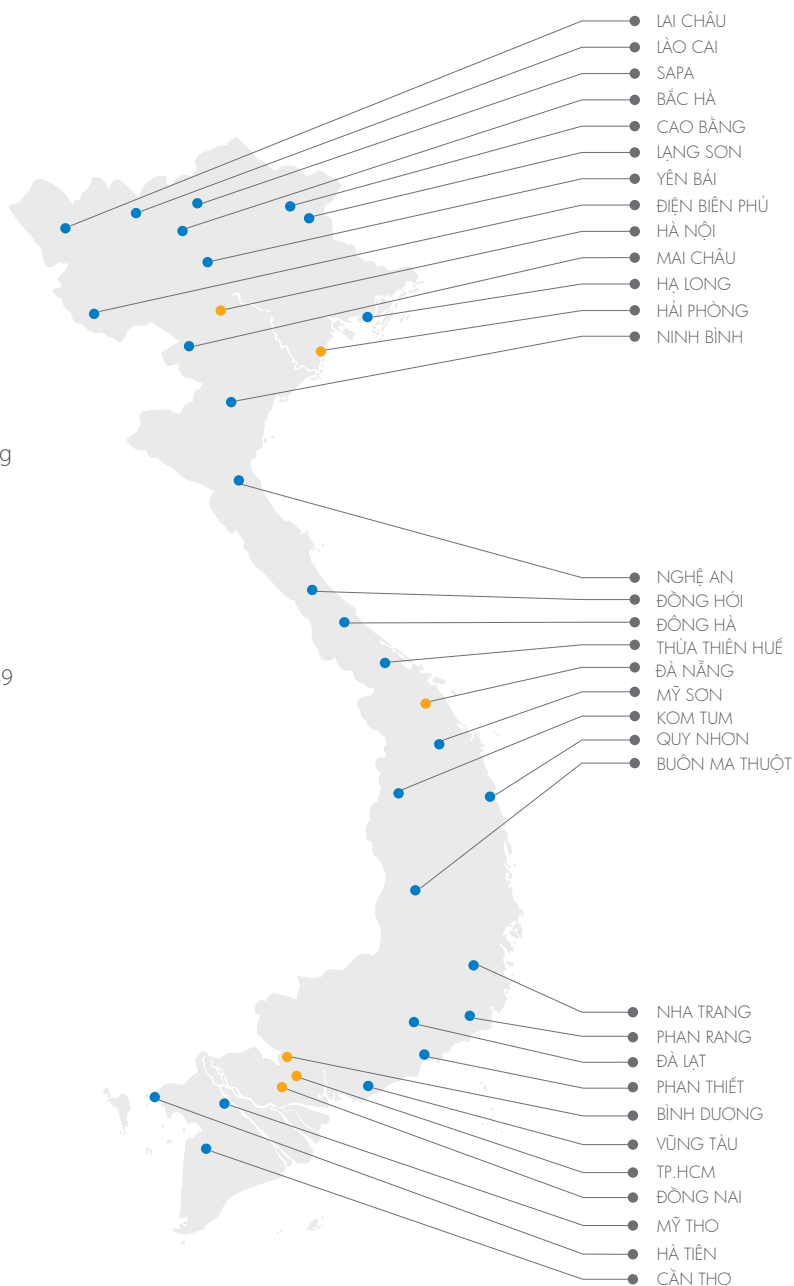
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Văn phòng đại diện tại Đồng Nai

257, Tổ 5, Khu Phố 11, P. An Bình, Tp. Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai.
Tel: (84-61) 629 3458 - Fax: (84-61) 629 3485
Email: dno.info@transimexsaigon.com

Văn phòng đại diện tại Bình Dương

Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2,
thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
Tel: (84-650) 376 9122 - Fax: (84-650) 376 9121
Email: bdo.info@transimexsaigon.com



CÔNG TY CON VÀ MẠNG LƯỚI THÀNH VIÊN



CÔNG TY TNHH NIPPON EXPRESS (VIỆT NAM)

Tên giao dịch: NIPPON EXPRESS VIETNAM LTD.
Địa chỉ: 364 Cộng Hòa, P.5.2 & 5.3 Tòa Nhà ETOWN, P.13, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
Mã số thuế: 0302065148
Ngày hoạt động: 15/09/2000

Hình thức liên doanh: Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Transimex-Saigon - TMS và Công ty Nippon Express Nhật Bản. Trong đó Transimex-Saigon chiếm 50%, Công ty Nippon Express chiếm 50%.

Hoạt động chính: dịch vụ giao nhận hàng hóa đường hàng không và đường biển, vận chuyển hàng hóa đường bộ, vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết bị nặng, dịch vụ kho bãi, làm thủ tục hải quan và các dịch vụ Logistics.

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2013:

Lợi nhuận sau thuế: 68 tỷ đồng
 Nguồn doanh thu, lợi nhuận và hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty TNHH Nippon Express luôn ổn định và tăng so với năm trước. Tập thể CB-CNV Công ty đã dần tích lũy được kinh nghiệm trong điều hành và nghiệp vụ nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong và ngoài nước.



CÔNG TY TNHH VẬN TẢI GIAO NHẬN NGOẠI THƯƠNG

Tên Chủ sở hữu: Công ty cổ phần Transimex-Saigon
Tên giao dịch: TMS-TRANS
Trụ sở: 40 Xa lộ Hà Nội, Phường Phước Long A, Q. 9, Tp. HCM
Hoạt động: từ 18/03/2009

Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); Dịch vụ đóng gói.

Vốn điều lệ: 16.000.000.000 đồng.



CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN TRANSIMEX-SAIGON

Tên chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Transimex-Saigon.

Tên giao dịch: TMS-PROPERTY

Trụ sở: 172 Hai Bà Trưng, P. Đakao, Q.1, TP. HCM

Hoạt động: Từ tháng 03/2009

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Lưu giữ hàng hóa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cho thuê máy móc; Thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Chuyển phát.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2013:

Doanh thu: 28,8 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế: 20,3 tỷ đồng.

Tòa nhà TMS|BUILDING, với tổng diện tích xây dựng 8.500 m² (gồm 14 tầng và 2 tầng hầm), trong đó Công ty CP Transimex-Saigon đã sử dụng 2 tầng của cao ốc làm trụ sở chính, 100% diện tích còn lại đã được cho thuê. Đây cũng là nguồn thu ổn định, khá lớn cho Công ty.

Công ty Bất động sản TMS|BUILDING cung cấp và quản lý dịch vụ văn phòng theo tiêu chuẩn Quốc tế, thích hợp cho các cơ quan đại diện, thương gia, các tập đoàn nước ngoài muốn có ngay văn phòng làm việc tại Việt Nam mà không phải thanh toán nhiều chi phí và thời gian thuê mặt bằng, trang trí nội thất,...



CÔNG TY TNHH MTV TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TRANSIMEX

Tên chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Transimex-Saigon

Tên tiếng Anh: TRANSIMEX DISTRIBUTION CENTER COMPANY LIMITED.

Tên giao dịch: TRANSIMEX DC

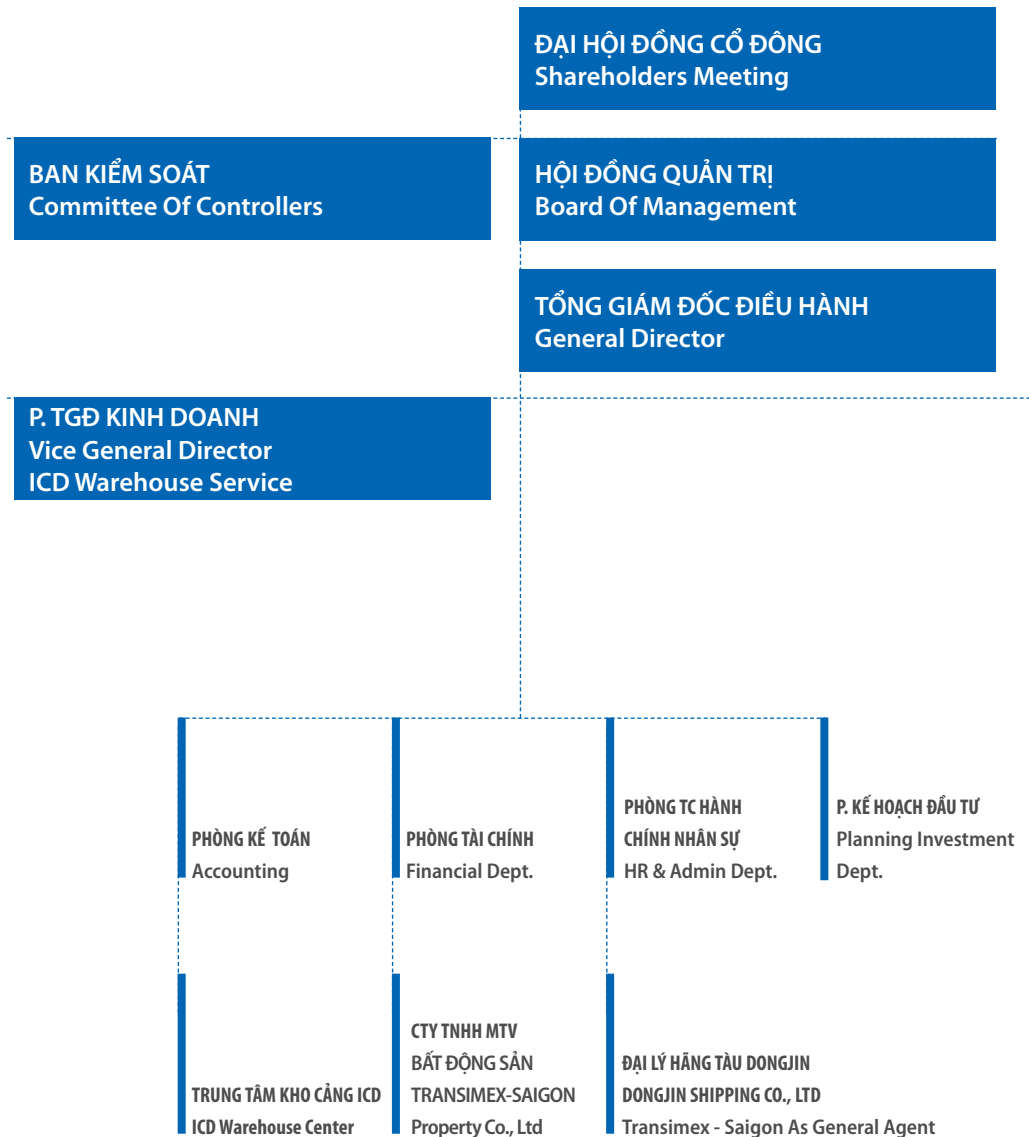
Trụ sở chính: Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng: trong đó, Công ty CP Transimex-Saigon đầu tư: 50.000.000.000 đồng, bằng 100% vốn điều lệ.

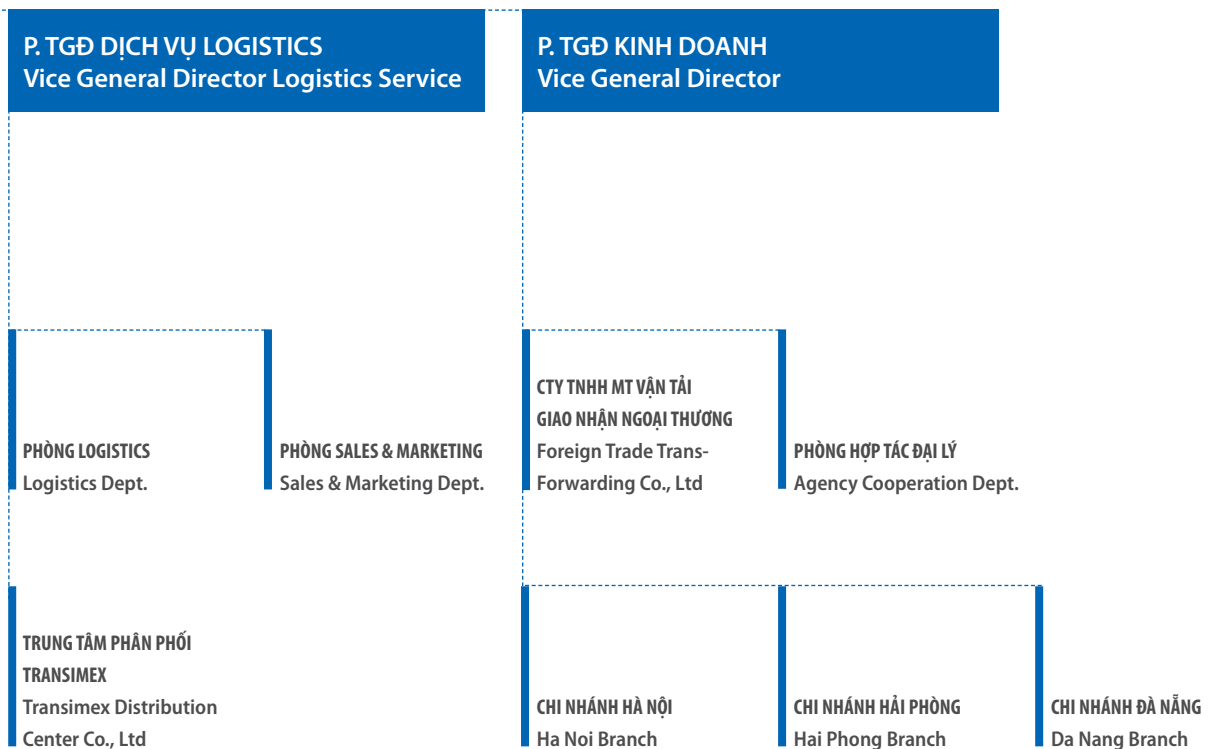
Ngành, nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ kho phân phối hàng hóa. Dịch vụ bao bì, đóng gói, phân phối hàng hóa.

Khai trương tháng 4/2013.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ORGANIZATION CHART



30 Năm



“
TẬP TRUNG MỌI NGUỒN LỰC ĐỂ ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN TỪNG PHẦN QUAN TRỌNG CỦA DỊCH
VỤ LOGISTICS
”



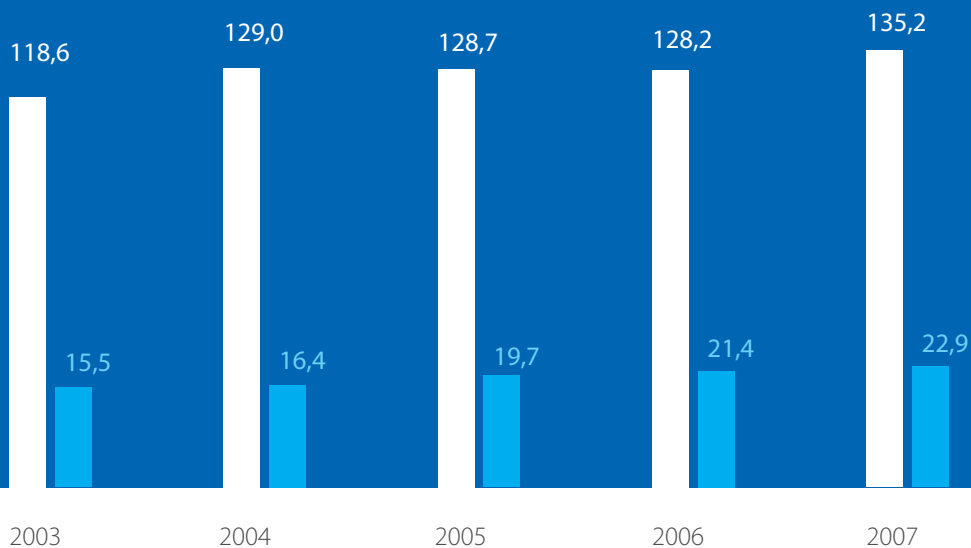
KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUA 10 NĂM (2003 - 2013)

Doanh thu của TMS tăng

3,3 lần

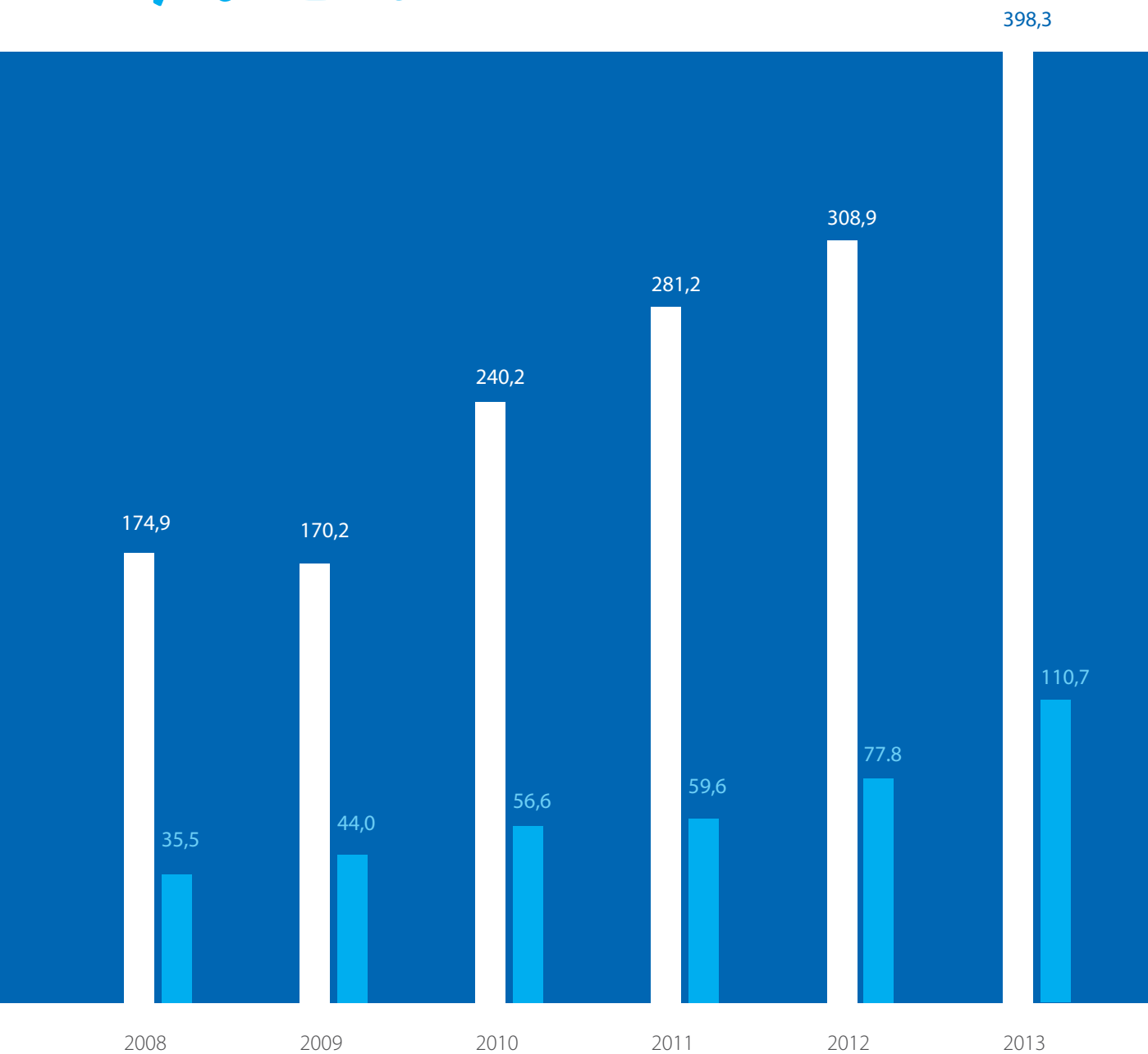
■ Doanh thu
■ Lợi nhuận trước thuế

ĐVT: Tỷ đồng



Lợi nhuận trước thuế tăng

7.2 lần



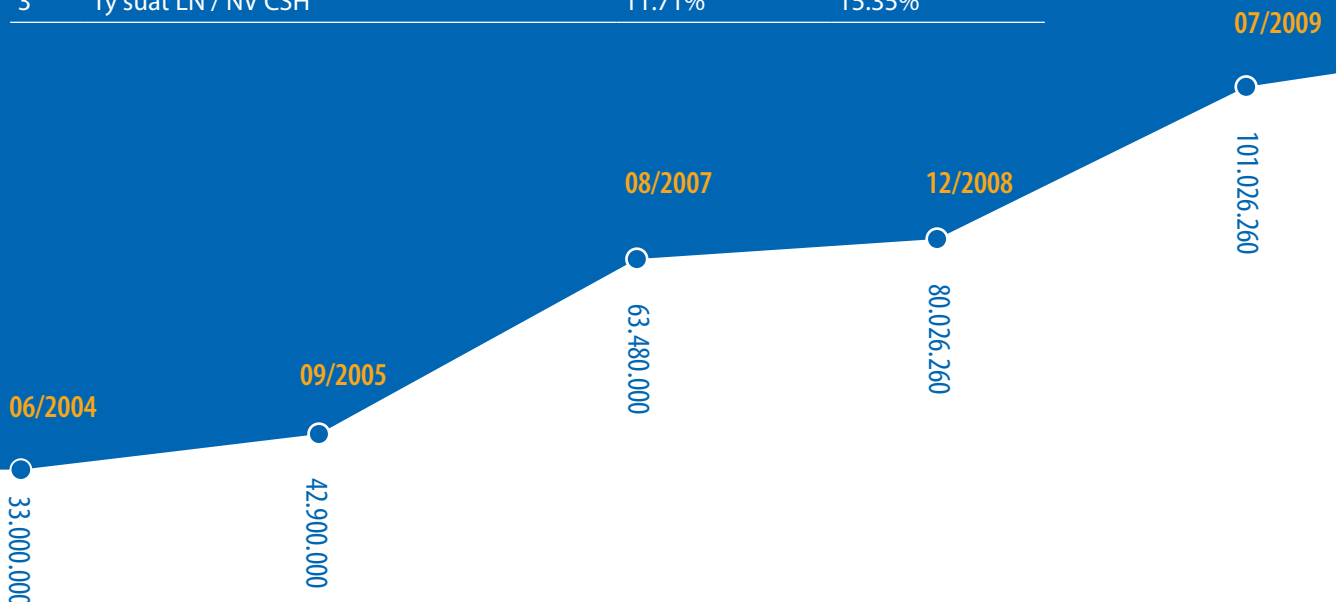
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	755,678,205,375	836,510,551,942	11.07
Doanh thu thuần	308,940,535,907	398,368,394,971	12.89
Lợi nhuận từ hoạt động; kinh doanh	38,481,470,673	52,373,532,146	13.61
Lợi nhuận khác	-28,901,351	769,423,078	266.22
Lợi nhuận trước thuế	77,830,539,093	110,700,803,008	14.22
Lợi nhuận sau thuế	67,312,666,580	97,058,146,545	14.42
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	66%	66%	

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	Chỉ tiêu	Năm tc 2012	Năm 2013
Khả năng thanh toán			
1	Khả năng thanh toán nhanh	1.28 lần	1.38 lần
2	Khả năng thanh toán ngắn hạn	1.41 lần	1.50 lần
Cơ cấu vốn			
1	Tổng nợ/ Vốn CSH	0.31 lần	0.32 lần
3	Tổng nợ/ Tổng tài sản	0.24 lần	0.24 lần
Năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	16.84 lần	19.77 lần
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.41 lần	0.48 lần
Khả năng sinh lời			
1	Tỷ suất LN / Tổng tài sản	8.91%	11.60%
2	Tỷ suất LN / Doanh thu thuần	21.79%	24.37%
	Tỷ suất LN KD/ Doanh thu thuần	12.46%	13.15%
3	Tỷ suất LN / NV CSH	11.71%	15.35%



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

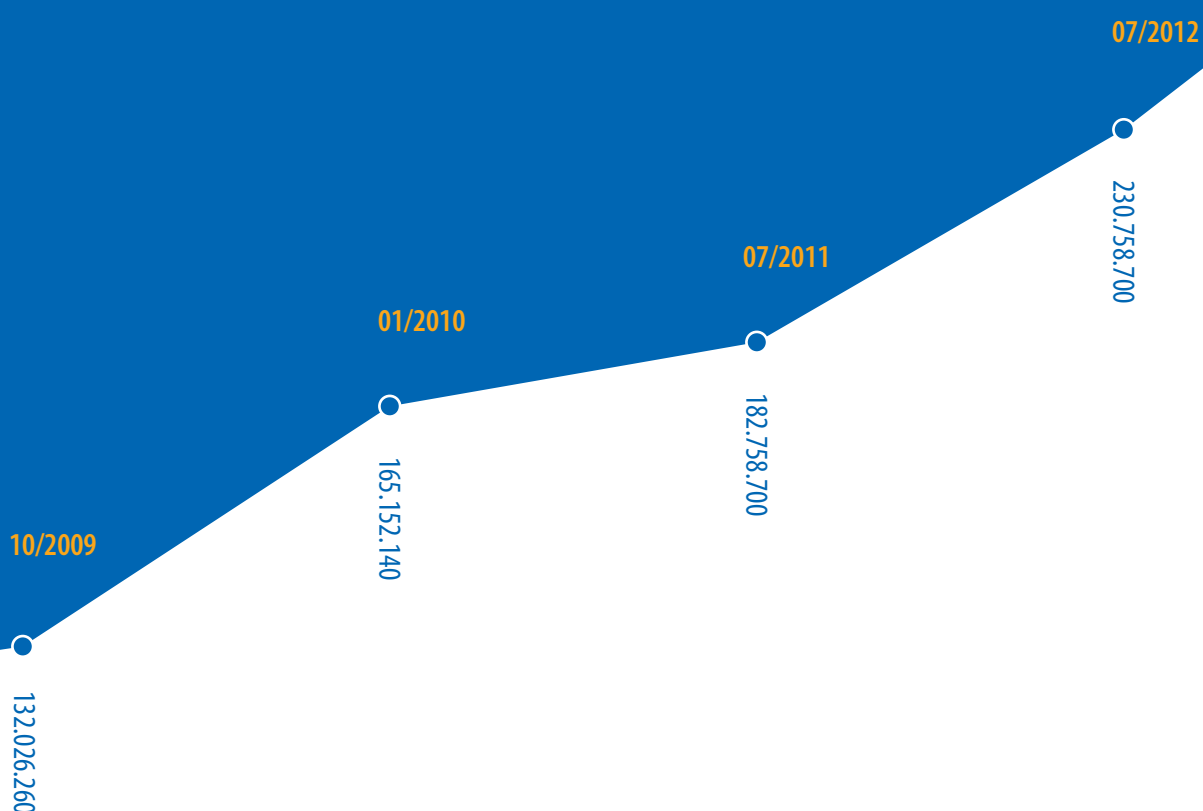
CỔ PHẦN

Số lượng : 23.073.824 cổ phiếu (thông thường)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (Tại thời điểm: 28.02.2014)

STT	Diễn giải	Cổ đông lớn		Cổ đông nhỏ		Tổng cộng
		Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	
1	Cổ đông trong nước		9,497,700	1,514,357	1,472,893	12,484,950
2	Cổ đông nước ngoài	1,459,900	6,919,567	669,302	164,968	9,213,737
3	Cổ đông nhà nước		1,375,137			1,375,137
4	Cổ đông khác					-
	Tổng cộng	1,459,900	17,792,404	2,183,659	1,637,861	23,073,824

CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CHỨNG KHOÁN KHÁC: không có



biểu đồ tăng vốn điều lệ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- Tính đến tháng 12/2013, tổng số lao động (bao gồm các Công ty thành viên): 443 người, thu nhập bình quân trong năm 2013: 9,9 triệu đồng/người.
- Chính sách đối với người lao động:
 - Chính sách lao động của Công ty luôn chú trọng tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động phát huy tính sáng tạo, chủ động trong công việc cũng như nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Chính sách đó tạo nên một văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, khuyến khích cán bộ nhân viên nỗ lực làm việc, cống hiến hết sức mình cho sự phát triển lâu dài của Công ty.
 - Công ty quy định chính sách lương, thưởng rõ ràng, thu nhập của NLĐ được nhận tương ứng với cấp bậc vị trí công việc thông qua hệ thống đánh giá cấp bậc chức vụ, theo năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được tổ chức rà soát, đánh giá hàng năm để có điều chỉnh hợp lý.
 - Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm và các chế độ khác có liên quan đến người lao động theo qui định, đồng thời, luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua các hoạt động phong trào. Hàng năm, Công ty duy trì tổ chức các hoạt động kỷ niệm nhân các ngày lễ lớn trong năm.
 - Thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng các chương trình đào tạo tại chỗ và đào tạo ngoài, phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01Ông/Mr. **BÙI TUẤN NGỌC**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chairman

Quốc tịch: Việt Nam

*Nationality: Viet Nam***02**Ông/Mr. **LÊ DUY HIỆP**

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Vice Chairman

Quốc tịch: Việt Nam

*Nationality: Viet Nam***03**Ông/Mr. **VŨ CHINH**

Thành viên Hội đồng quản trị

Member

Quốc tịch: Việt Nam

*Nationality: Viet Nam***04**Ông/Mr. **ÔNG NGUYỄN DUY KHÁNH**

Thành viên Hội đồng quản trị

Member

Quốc tịch: Việt nam

*Nationality: Viet Nam***05**Ông/Mr. **ĐỖ XUÂN QUANG**

Thành viên Hội đồng quản trị

Member

Quốc tịch: Việt nam

*Nationality: Viet Nam***06**Ông/Mr. **PHẠM TRƯỜNG SƠN**

Thành viên Hội đồng quản trị

Member

Quốc tịch: Việt nam

*Nationality: Viet Nam***07**Ông/Mr. **TOSHIYUKI MATSUDA**

Thành viên Hội đồng quản trị

Member

Quốc tịch: Nhật Bản

*Nationality: Japan***08**Ông/Mr. **HUYỀN MINH THẢO**

TThành viên Hội đồng quản trị

Member

Quốc tịch: Việt nam

*Nationality: Viet Nam***09**Ông/Mr. **ÔNG BÙI MINH TUẤN**

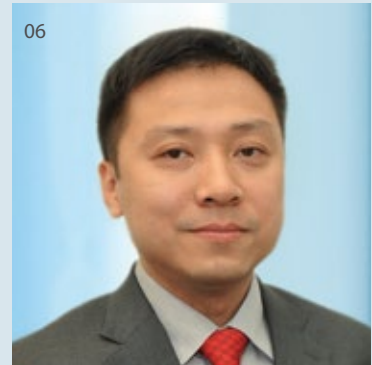
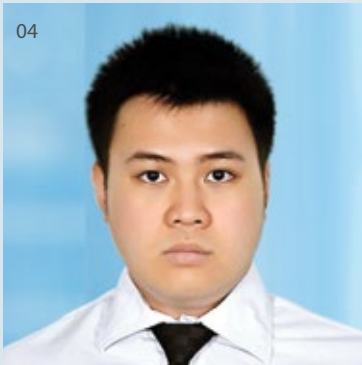
Thành viên Hội đồng quản trị

Member

Quốc tịch: Úc

Nationality: Australia

MEMBER OF B.O.M



BAN ĐIỀU HÀNH GENERAL DIRECTOR BOARD

01

Ông/Mr. **LÊ DUY HIỆP**
Tổng Giám Đốc
General Director

02

Ông/Mr. **NGUYỄN TRÍ HÙNG**
Phó Tổng Giám đốc
Vice General Director

03

Ông/Mr **NGUYỄN CHÍ ĐỨC**
Phó Tổng Giám đốc
Vice General Director

04

Ông/Mr. **TÔN THẮT HÙNG**
Phó Tổng Giám đốc
Vice General Director

05

Ông/Mr. **LÊ VĂN HÙNG**
Kế Toán Trưởng
Chief Accountant

BAN KIỂM SOÁT BOARD OF SUPERVISORS

01

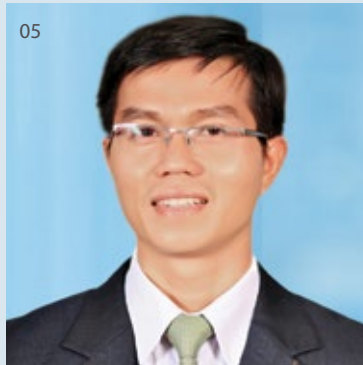
Ông/Mr. **NGUYỄN TUẤN ANH**
Trưởng Ban kiểm soát
Chief Supervisor

02

Ông/Mr. **NGUYỄN CÔNG HIẾU**
TV Ban kiểm soát
Member

03

Bà/Ms. **NGUYỄN KIM HẬU**
TV Ban kiểm soát
Member



30 Năm





ĐẢM BẢO TÍNH CẠNH TRANH, TÍNH BỀN
VỮNG TRƯỚC NHỮNG TÁC ĐỘNG NGOẠI LỰC
TỪ THỊ TRƯỜNG



CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN

Tiểu ban **NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG - THƯỞNG**

Trưởng Ban: Ông Vũ Chinh (TV. HĐQT độc lập)

Thành viên: Ông Lê Duy Hiệp

Tiểu ban **QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH**

Trưởng Ban: Ông Phạm Trường Sơn

Thành viên: Ông Bùi Minh Tuấn

Ông Nguyễn Duy Khánh

Tiểu ban **CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN - ĐẦU TƯ**

Trưởng Ban: Ông Bùi Tuấn Ngọc

Thành viên: Ông Đỗ Xuân Quang

Tiểu ban **LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

Trưởng Ban: Ông Huỳnh Minh Thảo

Thành viên: Ông Lê Duy Hiệp

Ông Toshiyuki Matsuda

NHIỆM VỤ CỦA CÁC TIỂU BAN

Tiểu ban **NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG - THƯỞNG**

Tham gia và giám sát Ban điều hành công ty các công tác sau:

- Quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty
- Nâng cao năng lực quản trị của Công ty
- Quản lý, theo dõi, kiểm tra mọi công tác nghiệp vụ và việc áp dụng hệ thống quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO của Công ty
- Kiểm soát nội bộ
- Nghiên cứu, xây dựng kế hoạch phát triển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nguồn cho Công ty
- Đào tạo, nâng cao năng lực của cán bộ quản lý Công ty
- Xây dựng ngân sách lương, thưởng, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị hàng năm.
- Các công việc liên quan đến nhân sự, công tác lao động tiền lương và chế độ thi đua, khen thưởng, kỷ luật

Tiểu ban **QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH**

Tham gia và giám sát Ban điều hành công ty các công tác sau:

- Việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông
- Tổ chức quản lý, điều hành kinh doanh
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động kinh doanh và quản lý của Công ty
- Quản lý các nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty
- Hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn kinh doanh
- Tổng hợp - phân tích tình hình tài chính
- Quy định thu chi và cân đối tài chính
- Phân tích hiệu quả thu chi tài chính
- Quản lý, theo dõi chứng khoán và thị trường chứng khoán
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các Quỹ hàng năm

Tiểu ban **CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN - ĐẦU TƯ**

Tham gia và giám sát Ban điều hành công ty các công tác sau:

- Việc triển khai và thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại Hội đồng Cổ đông, dự toán và thực hiện kế hoạch đầu tư của Công ty
- Xây dựng, định hướng chiến lược phát triển kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn
- Phân tích, đánh giá thị trường
- Phát triển, mở rộng thị trường kinh doanh
- Kiến nghị, triển khai các dự án: Đầu tư mới, duy tu bảo dưỡng, khai thác công suất, hiệu suất sử dụng
- Phân tích hiệu quả các dự án đầu tư phát triển kinh doanh
- Quản lý công tác đầu tư, xây dựng cơ bản

Tiểu ban **LIÊN DOANH LIÊN KẾT**

Tham gia và giám sát Ban điều hành công ty các công tác sau:

- Liên doanh, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước
- Phân tích hiệu quả các dự án liên doanh, liên kết

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Quý vị cổ đông

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, Hội đồng quản trị báo cáo quý vị cổ đông về tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) đối với Ban điều hành công ty (“BĐH”) năm 2013 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2014 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2013

Trong tình hình kinh doanh năm 2013 gặp nhiều khó khăn, HĐQT và BĐH bám sát các mục tiêu đã đề ra, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ, phát triển các mảng dịch vụ có nhiều tiềm năng. Các Công ty liên doanh, liên kết của Transimex hoạt động hiệu quả cao, đặc biệt, Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Vietnam (tỷ lệ sở hữu 50%) đã đạt được kết quả kinh doanh khá tốt, cụ thể, lợi nhuận trước thuế năm 2013 tăng 3% so với năm 2012. Công ty CP Vận tải và xếp dỡ Hải An (tỷ lệ sở hữu 23,99%) đạt lợi nhuận rất cao, tăng 20% so với năm 2012.

Kết quả kinh doanh năm tài chính 2013 (Hợp nhất):

- Tổng doanh thu đạt: 398,3 tỷ đồng, tăng 3,8% so với thực hiện 2012
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 110,7 tỷ đồng, tăng 16% so với thực hiện 2012
- Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu năm 2013: 27,78%

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013

1) Thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”):

Đại hội cổ đông thường niên 2012-2013 ngày 26/4/2013 đã bầu HĐQT nhiệm kỳ 4 (2013-2018) gồm 9 thành viên,

trong đó có 03 thành viên độc lập.

Theo nghị quyết HĐQT số 09/NQHĐQT NK4-TMS-2013 ngày 16/12/2013, HĐQT đã thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT như sau:

- Tiểu ban: NHÂN SỰ VÀ LƯƠNG, THƯỞNG
Trưởng Ban: Ông Vũ Chinh
Thành viên: Ông Lê Duy Hiệp
Tiểu ban: QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH
- Trưởng Ban: Ông Phạm Trường Sơn
Thành viên: Ông Bùi Minh Tuấn,
Ông Nguyễn Duy Khánh
- Tiểu ban: CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN – ĐẦU TƯ
Trưởng Ban: Ông Bùi Tuấn Ngọc
Thành viên: Ông Đỗ Xuân Quang,
- Tiểu ban: LIÊN DOANH LIÊN KẾT
Trưởng Ban: Ông Huỳnh Minh Thảo
Thành viên: Ông Lê Duy Hiệp, Ông Toshiyuki Matsuda

Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong vai trò xây dựng định hướng chiến lược tổng thể và mục tiêu hoạt động của Công ty, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2) Các Nghị quyết Hội đồng Quản trị NĐTC 2013:

Để thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các Thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định. Cụ thể, trong NĐTC 2013, HĐQT đã có 12 phiên họp thông qua các vấn đề chính sau:

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQHĐQT-NK3-TMS-2013	05/3/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua thời gian chốt Danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên (“ĐHĐCĐTN”) 2012-2013 - Thông qua thời gian, địa điểm tổ chức ĐHCĐTN 2012-2013 - Thông qua danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu biểu quyết & bầu cử trình ĐHCĐTN 2012-2013
2	02/NQHĐQT-NK3-TMS-2013	04/4/2013	Bổ nhiệm đại diện theo ủy quyền của Công ty CP Transimex-Saigon tham gia Hội đồng Thành viên Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương thay thế Thành viên đã nghỉ việc.
3	03/NQHĐQT-NK3-TMS-2013	11/4/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua vấn đề chuyển đổi hình thức hợp tác với Công ty CP Vận tải Ngoại thương (Vinafreight) - Thông qua việc triển khai thực hiện khen thưởng 5% phần lợi nhuận vượt kế hoạch của năm 2012 và vấn đề thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đương nhiệm của nhiệm kỳ 3 (2008-2013) - Thông qua chương trình, các báo cáo và Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012-2013
4	01/NQHĐQT-NK4-TMS-2013	26/4/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 4 (2013-2018) - Bổ nhiệm Thư ký Công ty nhiệm kỳ IV (2013-2018) - Thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát nhiệm kỳ IV (2013-2018) dựa trên Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua - Thông qua Phương án thành lập Phòng Phát triển kinh doanh của công ty
5	02/NQHĐQT-NK4-TMS-2013	13/5/2013	Thông qua vấn đề chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013
6	03/NQHĐQT-NK4-TMS-2013	06/6/2013	Quyết định chọn Công ty Kiểm Toán Và Tư Vấn A & C kiểm toán báo cáo tài chính cho niên độ tài chính 2013 của Công ty
7	04/NQHĐQT-NK4-TMS-2013	31/7/2013	Bổ nhiệm bổ sung 01 đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Transimex-Saigon tham gia hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS-Trans) (nhiệm kỳ 2008-2013)
8	05/NQHĐQT-NK4-TMS-2013	21/8/2013	Thông qua hạn mức tín dụng ngắn hạn (20 tỷ đồng) và khoản vay trung hạn (30 tỷ đồng) tại ngân hàng Shinhan.
9	06/NQHĐQT-NK4-TMS-2013	23/9/2013	Tăng hạn mức tín dụng ngắn hạn của Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TC/2013/CRE/TSM-001 ký ngày 16/05/2013 từ 20 tỷ đồng thành 40 tỷ đồng
10	07/NQHĐQT-NK4-TMS-2013	25/10/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua chủ trương mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Thông qua việc góp vốn bổ sung vốn kinh doanh (12 tỷ đồng) cho Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận Ngoại Thương
11	08/NQHĐQT-NK4-TMS-2013	28/11/2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên Công ty theo nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 26/4/2013 và quy chế quy định cụ thể việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên Công ty - Thông qua vấn đề gia hạn khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Tái bổ nhiệm Ông Lê Duy Hiệp tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 16/11/2013 với nhiệm kỳ được quy định tại điều lệ Công ty

12 09/NQHĐQT NK4-TMS-2013	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt đợt 2 năm 2013 - Thông qua Tờ trình vay vốn lưu động và cập nhật lại tài sản thế chấp cho ngân hàng - Thông qua quy chế quản trị Công ty được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC - Thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị - Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền của Công ty CP Transimex-Saigon tham gia Hội đồng Thành viên và Kiểm soát viên của Công ty TNHH MTV Vận tải TMS (nhiệm kỳ từ 26/12/2013-25/12/2018) - Thông qua việc mua thêm thẻ Golf để phục vụ cho công tác chăm sóc và tìm kiếm khách hàng của Công ty.
---------------------------------	---

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (“ĐHĐCĐ”) THƯỜNG NIÊN 2012-2013

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Kế hoạch chia cổ tức (17%-20%)	Đã chia cổ tức đợt 1: 5%, đợt 2: 7% bằng tiền mặt
Lựa chọn Đơn vị kiểm toán cho HĐQT 2013	Đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn (A & C)
Kế hoạch phát hành cổ phiếu thưởng cho CB-CNV Công ty	Chưa thực hiện do nguồn phát hành không đủ để thực hiện trong năm 2013, dự kiến thực hiện trong năm 2014
Giải thể Công ty Cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị	Đã thực hiện
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	Chưa thực hiện do tình hình hình thị trường không thuận lợi.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VÀ HỖ TRỢ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

- HĐQT luôn quan tâm sâu sát đến hoạt động kinh doanh của Công ty, từ đó, đưa ra các chỉ đạo kịp thời và hỗ trợ Ban điều hành trong công tác tìm kiếm khách hàng mới cũng như cung cấp các thông tin về thị trường và khách hàng tiềm năng.
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ, quản trị rủi ro, tăng cường các nguyên tắc và quy chế quản trị Công ty, cụ thể :
 - Hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ, quy chế quản lý chi phí, quản trị nhân sự
 - Tập trung cắt giảm chi phí toàn diện của tất cả các Phòng ban, Đơn vị trực thuộc, nhằm giảm giá dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh
 - Phân tích hiệu quả của các dự án trước khi thực hiện đầu tư
- Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho HĐQT được BDH thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của HĐQT đối với BDH.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT được triển khai đồng bộ, nhất quán và hiệu quả, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.



V. BÁO CÁO THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013

1) Thù lao:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao	Ghi chú
1	Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	142.222.220	
2	Lê Duy Hiệp	Phó CT. HĐQT	75.555.560	
3	Vũ Chinh	Thành viên HĐQT	62.222.224	
4	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	44.444.448	Từ T5/2013
5	Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	44.444.448	Từ T5/2013
6	Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên HĐQT	62.222.224	
7	Ông Phạm Trường Sơn	Thành viên HĐQT	62.222.224	
8	Ông Huỳnh Minh Thảo	Thành viên HĐQT	62.222.224	
9	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	44.444.448	Từ T5/2013
Tổng cộng			600.000.020	

2) Lương/ thưởng:

STT	Họ tên	Chức danh	Lương	Thưởng	Ghi chú
1	Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	690.817.164	298.235.500	
2	Lê Duy Hiệp	Phó CT. HĐQT / Tổng Giám đốc	703.372.224	243.993.783	Lương/Thưởng của vị trí TGD
3	Vũ Chinh	Thành viên HĐQT		70.300.000	
4	Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên HĐQT		60.900.000	
5	Ông Phạm Trường Sơn	Thành viên HĐQT		63.600.000	
6	Ông Huỳnh Minh Thảo	Thành viên HĐQT		70.300.000	
Tổng cộng			1.394.189.388	807.329.283	

VI. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2014

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013-2014, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2014:
 - Doanh thu: 369,6 tỷ, bằng 93% so với thực hiện năm 2013.
 - LNTT: 125 tỷ đồng, tăng 13% so với thực hiện năm 2013.
- Tiếp tục tập trung phát triển và hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ Logistics bằng các biện pháp sau:
 - Đầu tư vào các Công ty cùng ngành nghề có tiềm năng phát triển và có các dịch vụ hỗ trợ cho Công ty;
 - Tăng cường khai thác có hiệu quả những cơ sở hạ tầng đã đầu tư bao gồm Cảng ICD Transimex, Trung tâm phân phối (TMS DC), Kho lạnh. Tiếp tục nghiên cứu đầu tư

những trung tâm Logistics tại những vị trí tiềm năng với tầm nhìn cho những năm 2020.

- Phát triển dịch vụ phân phối và vận tải đa phương thức quốc tế, vận tải container bằng sà lan, dịch vụ vận tải container đường biển nội địa, dịch vụ đại lý container chuyên tuyến quốc tế
- Đầu tư trang thiết bị nhằm phục vụ cho các dự án lớn có nhu cầu về vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, di dời, lắp đặt máy móc, thiết bị cho các nhà máy lớn.
- Đầu tư thêm phương tiện để phát triển dịch vụ vận chuyển đường thủy nội địa.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tuyển dụng bổ sung các vị trí cán bộ quản lý, đặc biệt là cán bộ quản lý các Chi nhánh để đáp ứng được mục tiêu phát triển dịch vụ logistics mạnh đều trên toàn quốc.
- Tiếp tục chỉ đạo, hỗ trợ Ban Điều hành tìm kiếm thêm các dự án mới.
- Thực hiện các hoạt động tăng cường hiệu quả quản trị



- rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Quản lý có hiệu quả việc đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết thông qua các hình thức kết nối về dịch vụ, hợp tác kinh doanh và tham gia công tác quản trị nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.
 - Kiểm soát tốt chi phí, kiểm soát đầu tư, khai thác, sử dụng tài sản cố định, cơ sở hạ tầng hợp lý để tạo ra sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá cả hợp lý nhằm tối đa hóa giá trị Công ty, tối đa hóa lợi nhuận.

- Luôn coi trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực, coi yếu tố con người là yếu tố quyết định của Công ty, chăm lo cải thiện đời sống người lao động.

Hội đồng quản trị tin chắc rằng, với sự ủng hộ nhiệt tình của Quý khách hàng trong và ngoài nước, sự hỗ trợ của đối tác chiến lược, cùng sự nỗ lực của HĐQT, BĐH và toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thành vượt mức kế hoạch ngân sách năm 2014.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Bùi Tuấn Ngọc



TỔNG DOANH THU NĂM 2013

398

TỶ ĐỒNG

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

I. TÌNH HÌNH KINH DOANH DỊCH VỤ NĂM 2013

Tình hình chung

1. Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế chung của Việt Nam năm 2013 chỉ có một điểm sáng có lợi cho hoạt động dịch vụ Logistics đó là Tổng Kim ngạch XNK cả nước có tăng trưởng (15% so với năm 2012 – 263 Tỷ Vs 228 Tỷ USD) .
- Các doanh nghiệp Logistics nói chung hoạt động có tăng trưởng nhưng ít đột biến, bình quân khoảng 5-7%. Tổng sản lượng container 2013 cả nước thông qua các cảng chính (HCM & Hải Phòng) và cảng phụ (Đà Nẵng , Quy Nhơn , Quảng Ninh..) bao gồm XNK & Nội Địa đạt gần 9.5 Triệu TEU .
- Hàng hóa vận chuyển bằng hàng không tăng trưởng không cao lắm. Tuy nhiên, có một xu thế là các hãng hàng không lớn như Etihad, Finair, Air Astana, Turkish Airlines đều khai trương đường bay tại Việt Nam trong năm 2013. Tổng sản lượng hàng Airfreight năm 2013 bao gồm cả nội địa và quốc tế khoảng gần 600,000 Tấn, tỷ lệ tăng trưởng khoảng 5%.

2. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế xã hội cả nước còn nhiều khó khăn, thách thức, dù lạm phát được kiểm soát nhưng tổng cầu nền kinh tế còn thấp, giá cả đầu vào đã tăng đáng

kể nhất là giá nhiên liệu, các chi phí có cấu thành cũng như không cấu thành trong dịch vụ Logistics nói chung đều tăng, sức mua kém, ảnh hưởng đến giá thành dịch vụ, giá cả đầu ra chịu sức ép cạnh tranh giảm giá ngày càng gay gắt, quyết liệt giữa các Doanh nghiệp Logistics, trong khi thị phần về dịch vụ Logistics vẫn chủ yếu còn nằm trong tay các doanh nghiệp Logistics nước ngoài (theo thống kê của Hiệp Hội Logistics Việt Nam thì tỷ lệ này khoảng 70% trong khi các DN này chỉ chiếm chưa đến 5% trong tổng số các Dn Logistics).

- Thị trường hàng hải quốc tế vẫn chưa hồi phục, riêng thị trường vận tải đường biển nội địa có chiều hướng phát triển tốt. Hoạt động kinh doanh Cảng còn nhiều khó khăn đặc biệt là khu vực Cái Mép – Thị Vải.

KẾT QUẢ KINH DOANH ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2013

1. Về thực hiện các chỉ tiêu về sản lượng:

- Sản lượng giao nhận hàng hóa XNK:

Hàng bằng đường hàng không (Tấn)

KH 2013	TH 2013	TH 2012	(% TH 2013 s/v	
			KH NĂM	CÙNG KỲ
1,203	1,248	1,163	103.74	107.31

Hàng bằng đường biển

Hàng nguyên Cont (Teu)				Hàng lẻ (M3)			
KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v	KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v
			KH NĂM CÙNG KỲ				KH NĂM CÙNG KỲ
24,363	21,202	24,110	87.03 87.94	103,064	111,446	92,683	108.13 120.24

- Sản lượng hàng qua Cảng ICD Transimex:

Cảng ICD

Cont hàng (Teu)				Cont rỗng (Teu)			
KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v	KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v
			KH NĂM CÙNG KỲ				KH NĂM CÙNG KỲ
184,000	175,906	208,432	95.60 84.39	100,000	103,459	116,081	103.46 89.13

Kho CFS (M3)

Kho CFS (M3)				Kho lạnh (Tấn)			
KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v	KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v
			KH NĂM CÙNG KỲ				KH NĂM CÙNG KỲ
203,500	221,425	189,905	108.81 116.60	22,900	29,129	20,716	127.20 140.61

Kho Ngoại quan

Nhập khẩu (M3)				Xuất khẩu (Tấn)			
KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v	KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v
			KH NĂM CÙNG KỲ				KH NĂM CÙNG KỲ
22,000	21,685	20,446	98.57 106.06	5,000	3,601	12,025	72.02 29.95

- Sản lượng hàng TT DV Vận chuyển Sà lan và Công ty Vận tải:

TT DV Vận chuyển Sà lan (Teu)				Công ty Vận tải (Teu)			
KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v	KH 2013	TH 2013	TH 2012	(%) TH 2013 s/v
			KH NĂM CÙNG KỲ				KH NĂM CÙNG KỲ
55,000	50,508	40,999	91.83 123.19	33,000	29,006	27,749	87.90 104.53

2. Về thực hiện các chỉ tiêu về tài chính:

Kết quả kinh doanh năm tài chính 2013 (Hợp nhất):

- Tổng doanh thu đạt: 398,3 tỷ đồng, tăng 3,8% so với thực hiện 2012
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 110,7 tỷ đồng, tăng 16% so với thực hiện 2012
- Tỷ trọng LN TT/Tổng doanh thu: 27,78%
- Cổ tức: đã tạm ứng 12% bằng tiền mặt

3. Về thực hiện các dịch vụ cốt lõi của Cty:

3.1 Hoạt động kinh doanh dịch vụ, phát triển thị trường:

- a. Trung tâm kho cảng (ICD Transimex): Năm 2013, ICD đã nỗ lực duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh, tập trung khai thác nguồn hàng, đề ra những giải pháp phù hợp, cùng với chính sách giá năng động, nâng cao thái độ phục vụ ân cần, thân thiện thu hút khách hàng, lấp đầy mặt bằng trống, đảm bảo được ngân sách lợi nhuận.

Các lĩnh vực kinh doanh kho CFS, Kho ngoại quan, Kho lạnh đều có sự tăng trưởng, riêng kinh doanh kho lạnh lưu trữ đạt 100% công suất kho. Tuy nhiên, lĩnh vực dịch vụ bãi container do thay đổi chính sách từ các Cảng khu vực và các hãng tàu nên khối lượng container có hàng thông qua cảng có giảm so với cùng kỳ và kế hoạch năm 2013.

- b. Các phòng nghiệp vụ (Phòng Logistics, Phòng Hợp tác đại lý, Dịch vụ Đại lý tàu biển):

- Trong năm 2013, Công ty đã ký được hợp đồng làm Tổng Đại Lý cho Hãng Tàu biển Dong Jin (Hàn Quốc). Dịch vụ đầu tiên triển khai từ tháng 10/2013 với tuyến Container HCM - Hàn Quốc - Hongkong - Thailand, sản lượng container nhập và xuất, trung bình gần 170 TEU/Tuần. Dịch vụ đại lý container chuyên tuyến này đã tạo thêm doanh thu, lợi nhuận và tăng cường chuỗi cung ứng dịch vụ của Transimex-Saigon.

- Phòng Logistics đã triển khai thực hiện một cách xuất sắc dịch vụ giao nhận hàng siêu trường siêu trọng cho dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, đạt kết quả rất cao, Phòng đã hoàn thành vượt mức KH năm 2013 là 34% về doanh thu và 21% về LNNT. Việc thực hiện thành công dự án Vĩnh Tân là bước khởi đầu Công ty làm dịch vụ tổng thầu với khối lượng giao nhận hàng hóa siêu trường, siêu trọng lớn,... khẳng định được năng lực đảm nhiệm tốt các dự án nhiệt điện lớn khác.

- Phòng HTĐL với khách hàng chủ lực là Shibusawa, có nguồn hàng ổn định, chiếm 80% doanh thu, lợi nhuận của Phòng. Năm 2013, Phòng đã thực hiện dịch vụ đóng kiện thiết bị với sản lượng cao, đóng góp 13,4% doanh thu của phòng. Đặc biệt, Phòng Hợp Tác Đại Lý không những giữ vững doanh thu, mà còn luôn dẫn đầu trong việc tiết kiệm chi phí thực hiện dịch vụ.

c. Các chi nhánh trực thuộc: Hoàn chỉnh hệ thống hoạt động, quản lý, kiểm soát nội bộ các chi nhánh. Phối hợp với Công ty mẹ để mở rộng phát triển kinh doanh dịch vụ tại khu vực phía Bắc và miền Trung, chủ động thực hiện các dự án, dịch vụ 3PL, trên cơ sở đảm bảo hiệu quả và hạn chế tối đa rủi ro...

d. Các Công ty Thành viên:

- Công ty TMS Property: TMS Building vẫn duy trì hoạt động tốt, giữ được giá thuê không suy giảm nhiều so với các công ty khác trong khu vực, đến nay đã khai thác 100% công suất tòa nhà. Doanh thu: 28,8 tỷ; LNNT: 20,3 tỷ.

- Công ty TMS DC: Do mới đi vào hoạt động từ tháng 5/2013, mặt khác, do đơn giá thuê kho trong khu vực giảm nhiều nên chưa mang lại hiệu quả, tuy nhiên, tại những tháng cuối năm lượng hàng hóa nhập kho tăng đáng kể, khai thác gần hết công suất.

- Công ty Vận tải: thực hiện việc sắp xếp, bố trí nhân lực tài xế, tiết giảm chi phí vật tư, nhiên liệu, tăng cường tiếp thị, mở rộng thị trường, khách hàng, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, khai thác kinh doanh vận chuyển có hiệu quả, duy trì ổn định hoạt động để thoát lỗ và có lãi.

e. Các Công ty liên kết, liên doanh: Công ty đã tăng cường công tác quản lý, giám sát tại Công ty Vinafreight (VNF), nhằm đảm bảo lợi nhuận và hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty, trong đó tăng cường nhân sự của Công ty tham gia vào điều hành tại Công ty Vector Aviation (Công ty con của VNF), tăng cường nhân sự của Công ty tham gia HĐQT tại Công ty CP Chiếu xạ An Phú (APC), thường xuyên theo dõi cập nhật tình hình SXKD, giữ mối liên hệ tốt đẹp với ban điều hành của Công ty Liên doanh Nippon Express (Viet nam), Công ty CP Vận tải & Xếp dỡ Hải An.

3.2 Về tổ chức bộ máy:

- Thành lập Phòng dịch vụ đại lý vận chuyển container, trước đây là bộ phận dịch vụ đại lý tàu biển cho hãng tàu Dongjin (Hàn quốc) vận chuyển hàng container từ Việt Nam đi Hàn Quốc, Hồng Kông, Thái Lan và ngược lại. Việc nâng cao một bước về tổ chức này cũng nhằm chuẩn bị đáp ứng cho việc Hãng Tàu đưa tàu vào khai thác trực tiếp tại cảng Tp.HCM.

- Thực hiện việc tuyển dụng và đào tạo nhân sự theo kế hoạch phát triển của Công ty. Có chính sách phù hợp để thu hút nhân lực có chất lượng cao, đổi mới công tác quy hoạch, đề bạt, bố trí cán bộ, từng bước chuyên nghiệp hóa đội ngũ lãnh đạo chủ chốt.

3.3 Về kết quả hoạt động (Lợi nhuận sau thuế) của các Cty có vốn đầu tư của TMS , các Cty liên doanh, liên kết:

- Công ty Liên doanh Nippon Express (Vietnam): 68 tỷ
- Công ty CP Vận tải & Xếp dỡ Hải An: 83 tỷ
- Công ty CP Vận Tải Ngoại Thương (VNF): 34 tỷ
- Công ty CP chiếu xạ An Phú: 15,6 tỷ

3.4 Về đầu tư tài chính:

- Có nhiều biện pháp tăng cường quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, vừa bảo đảm quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh, vừa bảo toàn và phát triển vốn.

- Theo sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty liên kết, liên doanh, tham gia đầu tư, tăng vốn điều lệ vào Công ty Vinafreight (VNF), Công ty Chiếu xạ An Phú (APC).

- Chuẩn bị nguồn vốn tự có từ tích lũy lợi nhuận và vay vốn ngân hàng với lãi suất ưu đãi để đầu tư vào các dự án trọng điểm của Công ty (xây dựng kho tại khu công nghệ cao TP.HCM; mua sà lan chở container; mua các thiết bị vận chuyển hàng siêu trường siêu trọng; ...)

3.5 Hoạt động đoàn thể và cộng đồng:

Tính đến tháng 12/2013, tổng số lao động (bao gồm các Công ty thành viên): 443 người, thu nhập bình quân trong năm 2013: 9,9 triệu đồng/người.

- Công đoàn cơ sở đã tham gia cùng Ban điều hành thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động, như đóng BHXH, BHYT, BHTN, trả lương cho CNVC-LĐ đúng chế độ chính sách, phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phong trào sáng kiến, cải tiến, tiết kiệm điện nước, văn phòng phẩm, chi phí điện thoại cũng giảm so với năm 2012.

- Tiếp tục chăm lo cho đời sống người lao động có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ công tác xã hội từ thiện và thực hiện trách nhiệm cộng đồng với tổng số tiền: 84.000.000 đồng.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH DỊCH VỤ NĂM 2014

Đặc điểm tình hình:

- Năm 2014, nền kinh tế còn rất nhiều khó khăn, chưa có dấu hiệu phục hồi. Tuy nhiên, tình hình xuất nhập khẩu tại khu vực FDI đang tăng trưởng, xu thế dịch chuyển của một số nhà sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam do bất đồng Trung-Nhật, kéo theo nhu cầu về dịch vụ Logistics cũng sẽ tăng. Giao thương trong khu vực Asean đang có

dấu hiệu tăng, đồng thời năm 2014 cũng là năm có hiệu lực của một số hiệp định về mậu dịch & thuế quan trong khu vực Asean, cũng là năm khởi động cho AEC (Asean Economic Community) 2015, đó sẽ là dấu hiệu tích cực của 2014.

- Về tình hình Logistics: Ngành Logistics sẽ đối mặt với cạnh tranh khốc liệt hơn do năm 2014 là thời điểm cam kết WTO cho phép các doanh nghiệp Logistics nước ngoài được phép thành lập Công ty 100% vốn.

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2014

1. Chỉ tiêu về sản lượng:

- Sản lượng giao nhận hàng hóa XNK:

Hàng bằng đường hàng không (Tấn)			Hàng nguyên Cont (Teu)			Hàng lẻ (M3)		
KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)	KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)	KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)
1.438	1.248	115,22	23.431	21.202	110,51	106.284	111.446	95,37

- Sản lượng hàng qua Cảng ICD Transimex, TT DV vận chuyển Sàlan và Công ty Vận tải:

Cảng ICD			Kho CFS			TT DV Vận chuyển Sàlan					
Cont hàng (Teu)			Cont rỗng (Teu)			(M3)			(Teu)		
KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)	KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)	KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)	KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)
182.000	175.906	103,46	120.000	103.459	116	220.000	221.425	99	52.000	50.508	103

Kho Ngoại quan			Kho lạnh			Vận tải					
Nhập khẩu (M3)			Xuất khẩu (Tấn)			(Tấn)			(Teu)		
KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)	KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)	KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)	KH 2014	TH 2013	Tỉ lệ (%)
22.000	21.985	101,45	5.000	3.601	138,85	26.300	29.129	90,29	30.800	29.006	106,18

2. Chỉ tiêu về tài chính:

Phần đầu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2014

- Doanh thu: 369,6 tỷ, bằng 93% so với thực hiện năm 2013.
- LNTT: 125 tỷ đồng, tăng 13% so với thực hiện năm 2013.

III. CÁC NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Những việc tập trung cho năm 2014:

- Về dài hạn, Công ty vẫn tập trung vào dịch vụ truyền thống, trong đó chú ý đến dịch vụ Logistics trọn gói (3PL) cho những khách hàng có lượng hàng ổn định, tình hình tài chính tốt, dịch vụ giao nhận hàng Dự Án, hàng siêu trường siêu trọng.
- Tăng cường kiểm soát, tham gia sâu rộng vào điều hành để nâng cao hiệu quả kinh doanh dịch vụ tại các Công ty liên doanh liên kết.

- Về ngắn hạn, tập trung khai thác tối đa kho TMS DC, Kho Ngoại Quan, dịch vụ bãi Container tại ICD.
- Cải thiện mạnh mẽ về năng lực kinh doanh dịch vụ tại Chi Nhánh Hà Nội, Hải Phòng.
- Hoàn thiện công tác bán dịch vụ, marketing (tập trung toàn Công ty), tổ chức thực hiện kinh doanh dịch vụ hàng Air, dịch vụ GSA.
- Nghiên cứu và tổ chức thực hiện ít nhất 1-2 sản phẩm dịch vụ mới (dịch vụ đóng kiện chuyên nghiệp, dịch vụ RFS ...)

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Duy Hiệp



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Transimex-Saigon.

Ban Kiểm soát báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2013 của Công ty cổ phần Transimex-Saigon trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2013-2014 như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban kiểm soát gồm ba thành viên, hai thành viên độc lập và một thành viên cùng tham gia vào các đơn vị, giám sát hàng ngày hoạt động kinh doanh của đơn vị.
- Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra, rà soát chi tiết hoạt động quản trị và kinh doanh theo quý và kiểm soát chuyên đề tại các công ty con.
- Đại diện Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ vào 12 cuộc họp của HĐQT trong năm cũng như bàn về các định hướng phát triển của Công ty.

- Ban kiểm soát cũng thường xuyên duy trì việc trao đổi và đánh giá tình hình hoạt động của công ty với Ban điều hành và HĐQT.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ VÀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Hoạt động quản trị:

Hội Đồng Quản Trị (“HĐQT”) đã đảm bảo duy trì các cuộc họp thường kỳ, theo sát tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và có những chính sách kịp thời tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám Đốc điều hành kinh doanh phù hợp với những biến động của thị trường.

HĐQT và BKS nhiệm kỳ 3 giai đoạn 2008-2013 kết thúc ngày 25/4/2013, ĐHCĐ đã tổ chức bầu và thông qua danh sách nhân sự cao cấp nhiệm kỳ 4 giai đoạn 2013-2018 như sau:

	STT	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Hội đồng Quản trị	1	Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	TV không điều hành
	2	Lê Duy Hiệp	Phó CT. HĐQT	TV điều hành
	3	Vũ Chính	Thành viên HĐQT	TV độc lập
	4	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	TV độc lập
	5	Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	TV không điều hành
	6	Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên HĐQT	TV không điều hành
	7	Ông Phạm Trường Sơn	Thành viên HĐQT	TV không điều hành
	8	Ông Huỳnh Minh Thảo	Thành viên HĐQT	TV không điều hành
	9	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	TV độc lập
Ban kiểm soát	1	Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng BKS	
	2	Nguyễn Kim Hậu	Thành viên BKS	
	3	Nguyễn Công Hiếu	Thành viên BKS	

Tình hình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:

Căn cứ trên nghị quyết ĐHCĐ ngày 26/4/1013, ngày 28/11/2013 HĐQT đã thông qua nghị quyết phát hành 692.215 cổ phiếu thường (tương đương 3% vốn điều lệ) cho cán bộ công nhân viên, dự kiến tiến hành trong đầu năm 2014 sau khi UBCK NN thông qua.

Hoạt động kinh doanh:

Trong năm vừa qua, Công ty phải đối mặt với những khó khăn chung của tình hình thế giới và trong nước về suy thoái kinh tế nhưng HĐQT và Ban điều hành đã nỗ lực thực hiện các nghị quyết của các Đại hội thường niên để ra với những kết quả khả quan như sau:

Kết quả kinh doanh năm tài chính 2013 (Hợp nhất):

ĐVT: Tỷ đồng

	Năm 2013	So với TH 2012
Tổng doanh thu	398,3	tăng 3,8%
Lợi nhuận trước thuế	110,7	tăng 16%
Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu: 27,78%		
Cổ tức: đã tạm ứng 12% bằng tiền mặt		

BÁO CÁO THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2013**Thù lao Ban kiểm soát:**

ĐVT: đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Thù lao	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng BKS	44.444.448	Từ tháng 5/2013
2	Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên	57.777.776	
3	Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	35.555.552	Từ tháng 5/2013
	Tổng cộng		137.777.776	

Lương Thưởng:

ĐVT: đồng

STT	Họ tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Khác (*)
1	Ông Nguyễn Công Hiếu	Giám đốc TMS Property	145.176.000	80.212.730	8.000.000
	Tổng cộng		145.176.000	80.212.730	8.000.000

(*) Thù lao Ban quản lý dự án

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Mặc dù trong năm vừa qua tình hình thị trường gặp nhiều khó khăn cho hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam và ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động lớn đến các doanh nghiệp xuất khẩu và các doanh nghiệp dịch vụ Logistics, nhưng với kết quả đã đạt được trên đây đã thể hiện sự cố gắng lớn của toàn thể toàn thể CB-CNV và sự năng động của Hội đồng Quản trị cũng như Ban Tổng Giám Đốc trong công tác điều hành đã tìm mọi biện pháp khắc phục khó khăn nhằm đạt hiệu quả cao và mở rộng trong hoạt động kinh doanh của Đơn vị.

- Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động năm 2013 của Công ty Transimex-Saigon.
- Công ty đã tuân thủ tốt các quy trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản trị nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ tốt, tuân thủ các yêu cầu của chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành.

- Ban kiểm soát cơ bản thống nhất với ý kiến của kiểm toán rằng các Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh.
- Ban kiểm soát nhận thấy Công ty vẫn đang gặp nhiều khó khăn thách thức hơn thuận lợi. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển tốt và có chiều hướng mở rộng. Ban kiểm soát đánh giá rất cao sự năng động của HĐQT và Ban điều hành công ty trong thời gian qua.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2013 trình ĐHĐCĐ thường niên 2013-2014. Ban kiểm soát xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành và các Bộ phận Phòng ban Công ty Cổ phần Transimex-Saigon đã tạo điều kiện tốt để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Nguyễn Tuấn Anh

30 Năm



DONGJIN SHIPPING CO., LTD
TRANSIMEX - SAIGON AS GENERAL AGENT



VỚI PHƯƠNG THỨC KINH DOANH: NHANH
CHÓNG - AN TOÀN - CHÍNH XÁC - HIỆU QUẢ
NHẪM THỎA MÃN NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO.,LTD.**



Headquarters: 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho: 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: /2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX - SAIGON

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Transimex - Saigon, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2014, từ trang 09 đến trang 49, bao gồm: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex-Saigon (Công ty mẹ) và các Công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex – Saigon chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty cổ phần Transimex - Saigon liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty cổ phần Transimex – Saigon. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Transimex - Saigon tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2014

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0954-2013-008-1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex-Saigon (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Transimex-Saigon (tên trước đây là Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh) được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Công ty kho vận giao nhận ngoại thương theo Quyết định số 989/QĐ-TTg ngày 26 tháng 10 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301874259 (số cũ 056651) đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 20 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 230.738.240.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 02 tháng 8 năm 2000 với mã chứng khoán là TMS.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : số 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8) 22 202 888
Fax : (84-8) 22 202 889
E-mail : info@transimexsaigon.com
Mã số thuế : 0 3 0 1 8 7 4 2 5 9

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Chi nhánh Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại Hà Nội

Chi nhánh Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại Đà Nẵng

Trạm giao nhận hàng không

Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kho vận giao nhận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh tại Bình Dương

Địa chỉ

Phòng 1401 tòa nhà 17T4, khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, đường Hoàng Đạo Thúy, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

25-27 Hoàng Văn Thụ, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

54 Trần Quốc Hoàn, P. 4, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Khu dịch vụ VSIP, số 2, đường số 3, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Transimex-Saigon theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đại lý giao nhận; Dịch vụ giao nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào và Trung Quốc; Kinh doanh vận tải đa phương thức.
- Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS (tập kết, thu gom hàng lẻ xuất khẩu), kho ICD (địa điểm thông quan nội địa); Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển.

- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường bộ.
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường biển.
- Vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng đường hàng không.
- Dịch vụ đóng gói, kê ký mã hiệu hàng hóa cho các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Mua bán đồ gỗ gia dụng, gốm, sứ, hàng mỹ nghệ, sản phẩm cao su, sản phẩm mây tre lá, công nghệ phẩm, dệt da may, hàng trang trí nội thất.

- Mua bán nông, lâm sản.
- Mua bán nông, lâm thủy hải sản, thực phẩm chế biến, nguyên liệu; thực phẩm công nghệ.
- Mua bán hóa chất (trừ kinh doanh hóa chất có tính độc hại mạnh); nông dược các loại (trừ thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật).
- Cửa hàng bách hóa.
- Mua bán vải sợi.
- Mua bán vật liệu xây dựng.
- Mua bán xe.
- Cho thuê văn phòng.
- Sửa chữa máy móc thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).
- Chuyển phát.
- Đại lý du lịch.
- Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất công nông nghiệp; máy văn phòng; điện máy; phương tiện vận tải; nông ngư cơ.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương	7/1 ấp Bình Thọ, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307821849 ngày 18 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên bất động sản kho vận giao nhận ngoại thương – TP. Hồ Chí Minh	172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309428263 ngày 14 tháng 10 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	100%
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị	Lô số D11, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000374 ngày 13 tháng 01 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp	70%
Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex	Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Giấy chứng nhận đầu tư số 46211000926 ngày 12 tháng 9 năm 2012 do Ban quản lý các KCN Bình Dương cấp	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã đầu tư xây dựng xong kho DC (trung tâm phân phối Transimex) để cho Công ty con - Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex thuê dưới hình thức thuê hoạt động. Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 3 năm 2013 và đã phát sinh doanh thu từ tháng 5 năm 2013.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012-2013 ngày 26 tháng 4 năm 2013 đã thông qua tờ trình giải thể Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị - Công ty con vì đầu tư không hiệu quả.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 49).

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2013, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã

phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2012 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	4.983.832.218 VND
Trích quỹ dự phòng tài chính	1.661.277.406 VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.730.515.550 VND
Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị	842.717.320 VND
Trích thưởng 05% phần vượt kế hoạch của lợi nhuận sau thuế hợp nhất	571.352.000 VND
Chia cổ tức bằng tiền mặt (10% mệnh giá)	23.073.824.000 VND
Cộng	33.863.518.494 VND

Trong năm 2012 các quỹ đã được trích lập và một phần cổ tức (06% mệnh giá) đã được chi trả.

Ngoài ra, Công ty cổ phần Transimex-Saigon còn tạm phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2013 như sau:

Trích quỹ đầu tư phát triển	3.796.189.788 VND
Trích quỹ dự phòng tài chính	1.265.396.596 VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.783.872.512 VND
Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị	759.237.958 VND
Chia cổ tức bằng tiền mặt (12% mệnh giá)	27.688.588.800 VND
Cộng	36.293.285.654 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Transimex-Saigon trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Hội đồng Quản trị	Ông Bùi Tuấn Ngọc	<i>Chủ tịch</i>	29/3 năm 2008	-
	Ông Lê Duy Hiệp	<i>Phó Chủ tịch</i>	01/9 năm 2011	-
	Ông Huỳnh Minh Thảo	<i>Thành viên</i>	29/3 năm 2008	-
	Ông Nguyễn Việt Cường	<i>Thành viên</i>	29/3 năm 2008	25 tháng 2 năm 2013
	Ông Vũ Chinh	<i>Thành viên</i>	25/4 năm 2009	-
	Ông Phạm Trường Sơn	<i>Thành viên</i>	21/4 năm 2012	-
	Ông Đỗ Xuân Quang	<i>Thành viên</i>	21/4 năm 2012	-
	Ông Nguyễn Duy Khánh	<i>Thành viên</i>	26/4 năm 2013	-
	Ông Toshiyuki Matsuda	<i>Thành viên</i>	26/4 năm 2013	-
	Ông Bùi Minh Tuấn	<i>Thành viên</i>	26/4 năm 2013	-
Ban kiểm soát	Ông Nguyễn Tuấn Anh	<i>Trưởng ban</i>	26/4 năm 2013	-
	Ông Nguyễn Công Hiếu	<i>Trưởng ban</i>	29/3 năm 2008	26 tháng 4 năm 2013
	Ông Nguyễn Công Hiếu	<i>Thành viên</i>	26/4 năm 2013	-
	Bà Nguyễn Thị Đầm	<i>Thành viên</i>	29/3 năm 2008	26 tháng 4 năm 2013
	Bà Nguyễn Dung Hạnh	<i>Thành viên</i>	24/5 năm 2012	26 tháng 4 năm 2013
	Bà Nguyễn Kim Hậu	<i>Thành viên</i>	26/4 năm 2013	-
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Duy Hiệp	<i>Tổng Giám đốc</i>	15/5 năm 2009	-
	Ông Nguyễn Trí Hùng	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	01/4 năm 2008	-
	Ông Nguyễn Chí Đức	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	01/7 năm 2008	-
	Ông Tôn Thất Hưng	<i>Phó Tổng Giám đốc</i>	01/10 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

- Ban tổng giám đốc bảo rằng, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kì thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính thích hợp nhất được tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		204,664,166,877	164,976,617,397
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	90,511,826,514	87,793,818,663
1. Tiền	111		16,511,826,514	28,643,100,163
2. Các khoản tương đương tiền	112		74,000,000,000	59,150,718,500
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25,903,125,666	2,122,976,376
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	27,287,439,923	3,165,563,683
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(1,384,314,257)	(1,042,587,307)
III. Các khoản phải thu	130		57,083,358,642	47,125,367,235
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	47,459,800,563	35,201,243,836
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2,435,351,784	4,871,655,406
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	7,591,779,815	7,456,041,513
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(403,573,520)	(403,573,520)
IV. Hàng tồn kho	140		16,097,167,964	14,417,996,523
1. Hàng tồn kho	141	V.8	16,097,167,964	14,417,996,523
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15,068,688,091	13,516,458,599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	5,527,272,433	6,069,165,264
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1,323,065,320	1,035,878,518
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	8,218,350,338	6,411,414,817
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		631,846,385,065	590,701,587,979
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc			-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	212		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	213		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		280,554,886,521	224,641,186,054
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	226,055,108,761	210,356,742,393
<i>Nguyên giá</i>	222		393,774,512,407	353,766,905,822
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(167,719,403,646)	(143,410,163,429)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	47,148,262,693	3,449,742,089
<i>Nguyên giá</i>	228		48,691,848,000	3,806,448,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,543,585,307)	(356,705,911)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	7,351,515,067	10,834,701,572
III. Bất động sản đầu tư	240	V.14	70,906,733,345	117,910,601,345
<i>Nguyên giá</i>	241		84,498,175,910	128,783,575,910
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(13,591,442,565)	(10,872,974,565)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		273,545,955,433	242,615,801,296
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	273,545,955,433	242,615,801,296
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6,838,809,766	5,533,999,283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	4,449,465,916	3,681,552,578
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	2,211,355,110	1,720,457,965
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	177,988,740	131,988,740
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		836,510,551,942	755,678,205,375
A NỢ PHẢI TRẢ	300		203,467,668,068	179,743,294,821
I. Nợ ngắn hạn	310		136,887,861,936	117,294,943,757
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	65,571,336,035	42,286,447,113
2. Phải trả cho người bán	312	V.20	27,931,284,549	47,058,412,144
3. Người mua trả tiền trước	313		443,184,000	401,753,510
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.21	5,098,890,093	4,974,711,140
5. Phải trả người lao động	315	V.22	3,534,572,326	6,281,995,530
6. Chi phí phải trả	316	V.23	6,871,412,933	5,014,479,661
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-

Đơn vị tính: VND

Nguồn vốn		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.24	25,172,121,434	8,164,801,020
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	2,265,060,566	3,112,343,639
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	320		66,579,806,132	62,448,351,064
1.	Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	323	V.26	6,037,672,164	5,717,108,652
4.	Vay và nợ dài hạn	324	V.27	60,510,869,969	56,699,978,413
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		31,263,999	31,263,999
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		632,236,740,291	575,111,554,169
I.	Vốn chủ sở hữu	410		632,236,740,291	575,111,554,169
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	230,738,240,000	230,738,240,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	161,021,127,853	161,021,127,853
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	413		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	416	V.28	40,328,363,636	36,532,173,848
8.	Quỹ dự phòng tài chính	417	V.28	11,703,947,109	10,438,550,513
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
10.	Lợi nhuận chưa phân phối	419	V.28	188,445,061,693	136,381,461,955
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.29	806,143,583	823,356,385
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		836,510,551,942	755,678,205,375

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		72,656.39	240,715.33
Dollar Hongkong (HKD)		2,500.00	2,500.00
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Nguyễn Hữu Tuấn
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	398,368,394,971	308,940,535,907
2. Các khoản giảm trừ	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	398,368,394,971	308,940,535,907
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	318,316,709,498	242,845,968,095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80,051,685,473	66,094,567,812
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8,454,669,983	4,928,006,708
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11,396,301,364	10,397,844,844
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10,957,640,956	10,051,503,697
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,167,814,719	854,690,244
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	23,568,707,227	21,288,568,759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		52,373,532,146	38,481,470,673
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2,145,448,880	3,618,897,426
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,376,025,802	3,647,798,777
13. Lợi nhuận khác	40		769,423,078	(28,901,351)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	V.15	57,557,847,784	39,377,969,771
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		110,700,803,008	77,830,539,093
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	14,133,553,608	10,012,579,888
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	(490,897,145)	505,292,625
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		97,058,146,545	67,312,666,580
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(17,212,801)	(19,376,397)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		97,075,359,346	67,332,042,977
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4,207	3,136

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Nguyễn Hữu Tuấn
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		110,700,803,008	77,830,539,093
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, 12, 14, 15, 25	32,172,857,202	22,840,881,331
- Các khoản dự phòng	03	V.3	341,726,950	307,214,096
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(498,055,875)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.15; VI.3, 7, 8	(68,713,312,020)	(44,386,349,328)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	10,957,640,956	10,051,503,697
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		85,459,716,096	66,145,733,014
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(45,031,440,715)	1,716,865,838
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,586,068,759)	(6,260,867,029)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		5,902,260,065	30,866,290,764
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(87,614,216)	(2,646,806,404)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10,957,640,956)	(14,340,763,970)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(13,902,208,399)	(9,653,049,449)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3,422,985,000	524,218,500
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(9,913,514,685)	(1,733,745,479)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13,306,473,431	64,617,875,784
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, 13; VII	(52,875,167,928)	(36,754,945,777)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7, 8	1,062,566,323	2,440,727,273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(586,800,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.15	28,150,398,610	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, V.6	7,573,066,413	3,633,307,450
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(16,089,136,582)	(31,267,711,054)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19, 27	120,405,201,452	60,818,380,765
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, 27	(93,309,420,974)	(38,830,297,696)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(21,595,109,476)	(23,973,576,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5,500,671,002	(1,985,493,431)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2,718,007,851	31,364,671,299
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	87,793,818,663	56,486,147,900
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(57,000,536)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	90,511,826,514	87,793,818,663

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Nguyễn Hữu Tuấn
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần Transimex-Saigon bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex-Saigon (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ:

Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ hàng hải, dịch vụ cho thuê văn phòng

3. Ngành nghề kinh doanh:

Đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường biển, đường hàng không và

đường bộ; Dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; Kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa xuất nhập khẩu trung chuyển; Dịch vụ giao, nhận hàng hóa, làm thủ tục hải quan; Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải cho tàu biển trong và ngoài nước; Dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa qua Campuchia, Lào, Trung Quốc; Dịch vụ đóng gói và kẻ ký mã hiệu hàng hóa cho nhà sản xuất trong nước và nước ngoài ủy thác; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Dịch vụ cho thuê văn phòng; Sửa chữa máy móc thiết bị (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí trụ sở); Chuyển phát.

4. Tổng số các công ty con:

04

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất:

04

Số lượng các công ty con không được hợp nhất:

-

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên vận tải giao nhận ngoại thương	7/1 ấp Bình Thọ, P. Trường Thọ, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên bất động sản kho vận giao nhận ngoại thương - TP. Hồ Chí Minh	172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn - Hữu Nghị	Lô số D11, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	70,00%	70,00%
Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex	Đường số 23, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100,00%	100,00%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn Nippon Express Việt Nam	364 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%
Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An	Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	23,99%	23,99%
Công ty cổ phần vận tải ngoại thương	A8 Trường Sơn P. 02, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	24,83%	24,83%
Transimex (Cambodia) Company Limited	Suite 09/10B/79, Regency Square, Street 205, SK.Tomnoubteok, KH.Chamkamon, Phnompenh, Cambodia	50,00%	50,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 428 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 453 nhân viên).

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm 2013, Công ty cổ phần Transimex-Saigon đã đầu tư xây dựng xong kho DC (trung tâm phân phối Transimex) để cho Công ty con - Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex thuê dưới hình thức thuê hoạt động. Công ty TNHH một thành viên trung tâm phân phối Transimex đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 3 năm 2013 và đã phát sinh doanh thu từ tháng 5 năm 2013.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012-2013 ngày 26 tháng 4 năm 2013 đã thông qua tờ trình giải thể Công ty cổ phần Transimex Sài Gòn – Hữu Nghị vì đầu tư không hiệu quả.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Transimex-Saigon (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 30 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (32 năm).

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

16. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí liên quan đến Tòa nhà TMS

Các chi phí liên quan đến tòa nhà bao gồm các chi phí phát sinh cho việc ngấm hóa, di dời trước Tòa nhà TMS được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 02 năm.

17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

18. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại các công ty trong Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

19. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

20. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

21. Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

- **Quỹ đầu tư phát triển:** Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
- **Quỹ dự phòng tài chính:** Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- **Quỹ khen thưởng, phúc lợi:** Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên các công ty trong Tập đoàn.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

• Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

• Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn

bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

23. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2012:	20.819 VND/USD
	2.664 VND/HKD
31/12/2013 :	21.083 VND/USD
	2.699 VND/HKD

24. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.10.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

26. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

27. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

28. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

29. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.155.569.694	779.459.846
Tiền gửi ngân hàng	15.356.256.820	27.863.640.317
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	74.000.000.000	59.150.718.500
Cộng	90.511.826.514	87.793.818.663

2. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		22.287.439.923		3.165.563.683
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)</i>	6	155.218	6	155.218
<i>Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú (APC)</i>	1.241.320	17.226.541.952	14.260	139.967.376
<i>Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (SSI)</i>	17.000	355.707.996	17.000	355.707.996
<i>Công ty cổ phần giao nhận vận tải và thương mại (VNL)</i>	63.140	819.210.957	30.590	386.888.213
<i>Công ty cổ phần đại lý vận tải Safi (SFI)</i>	46.910	974.895.900	-	-
<i>Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương (VNT)</i>	18.000	477.272.640	-	-
<i>Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh nhà Intresco (ITC)</i>	177.390	2.325.451.130	157.390	2.186.103.630
<i>Công ty cổ phần Sông Ba (SBA)</i>	15.750	96.741.250	15.000	96.741.250
<i>Công ty cổ phần cao su Phước Hòa (PHR)</i>	400	11.462.880	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác		5.000.000.000		-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm</i>		5.000.000.000		-
Cộng		27.287.439.923		3.165.563.683

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú (APC): tăng do mua 1.227.060 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 17.086.574.576 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần giao nhận vận tải và thương mại (VNL): tăng do mua thêm 32.550 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 432.322.744 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần đại lý vận tải Safi (SFI): tăng do mua 46.910 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 974.895.900 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần giao nhận vận tải ngoại thương (VNT): tăng do mua 18.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 477.272.600 VND.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh nhà Intresco (ITC): tăng do mua 20.000 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 139.347.500 VND
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Sông Ba (SBA): tăng 750 cổ phiếu do được chia cổ tức bằng cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần cao su Phước Hòa (PHR): tăng do mua 400 cổ phiếu với giá mua và chi phí mua là 11.462.880 VND.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.042.587.307)	(735.373.211)
Trích lập dự phòng bổ sung	(341.726.950)	(307.214.096)
Số cuối năm	(1.384.314.257)	(1.042.587.307)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của hoạt động giao nhận hàng hóa	17.921.039.329	10.735.618.480
Phải thu của hoạt động kho vận, vận tải	27.486.939.791	23.748.920.410
Phải thu của hoạt động cho thuê văn phòng và hoạt động khác	2.051.821.443	716.704.946
Cộng	47.459.800.563	35.201.243.836

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp dịch vụ	2.088.613.784	1.452.956.638
Các nhà cung cấp mua sắm tài sản cố định	346.738.000	3.418.698.768
Cộng	2.435.351.784	4.871.655.406

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản chi hộ	6.960.515.926	6.385.015.627
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	631.263.889	-
Các khoản phải thu khác	-	1.071.025.886
Cộng	7.591.779.815	7.456.041.513

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên.

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.293.733.611	3.139.922.707
Công cụ, dụng cụ	69.262.726	82.769.636
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.734.171.627	11.195.304.180
Cộng	16.097.167.964	14.417.996.523

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	3.777.980.873	4.870.508.387
Chi phí bảo hiểm	400.499.327	99.607.757
Chi phí thuê văn phòng, kho bãi	24.293.750	108.363.090
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.324.498.483	990.686.030
Cộng	5.527.272.433	6.069.165.264

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	7.390.738.661	5.747.096.039
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	469.043.456	383.896.356
Tài sản thiếu chờ xử lý	358.568.221	280.422.422
Cộng	8.218.350.338	6.411.414.817

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	141.599.222.345	133.333.333	181.782.780.318	29.685.962.566	565.607.260	353.766.905.822
Mua sắm mới	-	-	3.071.983.503	326.907.500	-	3.398.891.003
Phân loại lại	-	-	3.513.352.004	(3.513.352.004)	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.452.501.584	-	-	4.231.294.070	-	38.683.795.654
Tăng khác	249.291.667	-	-	-	-	249.291.667
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.788.752.950)	-	-	(1.788.752.950)
Tài sản mất chờ xử lý	-	-	(174.465.040)	-	-	(174.465.040)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	-	(25.319.500)	(335.834.249)	-	(361.153.749)
Số cuối năm	176.301.015.596	133.333.333	186.379.578.335	30.394.977.883	565.607.260	393.774.512.407
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.547.301.916	-	40.360.484.836	6.261.721.165	565.607.260	56.735.115.177
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	38.381.202.701	79.999.999	92.395.789.255	11.987.564.214	565.607.260	143.410.163.429
Khấu hao trong năm	8.354.302.247	26.666.666	14.837.336.438	3.153.023.030	-	26.371.328.381
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.743.021.465)	-	-	(1.743.021.465)
Tài sản mất chờ xử lý	-	-	(96.319.241)	-	-	(96.319.241)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	-	(13.961.244)	(208.786.214)	-	(222.747.458)
Số cuối năm	46.735.504.948	106.666.665	105.379.823.743	14.931.801.030	565.607.260	167.719.403.646
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	103.218.019.644	53.333.334	89.386.991.063	17.698.398.352	-	210.356.742.393

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số cuối năm	129.565.510.648	26.666.668	80.999.754.592	15.463.176.853	-	226.055.108.761
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 326.793.803.319 VND và 149.200.475.967 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.708.840.000	32.500.000	1.065.108.000	3.806.448.000
Chuyển từ bất động sản đầu tư	44.285.400.000	-	-	44.285.400.000
Chuyển từ đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	600.000.000	600.000.000
Số cuối năm	46.994.240.000	32.500.000	1.665.108.000	48.691.848.000
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	32.500.000	248.978.000	281.478.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	29.843.747	326.862.164	356.705.911
Khấu hao trong năm	922.612.504	2.656.253	261.610.639	1.186.879.396
Số cuối năm	922.612.504	32.500.000	588.472.803	1.543.585.307
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.708.840.000	2.656.253	738.245.836	3.449.742.089
Số cuối năm	46.071.627.496	-	1.076.635.197	47.148.262.693
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 45.510.508.000 VND và 43.832.093.618 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	6.742.723.297	300.000.000	-	7.042.723.297
XDCB dở dang	4.091.978.275	35.238.317.379	(39.283.795.654)	46.500.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	262.291.770	-	262.291.770
Cộng	10.834.701.572	35.800.609.149	(39.283.795.654)	7.351.515.067

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	44.285.400.000	84.498.175.910	128.783.575.910
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(44.285.400.000)	-	(44.285.400.000)
Số cuối năm	-	84.498.175.910	84.498.175.910
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10.872.974.565	10.872.974.565
Khấu hao trong năm	-	2.718.468.000	2.718.468.000
Số cuối năm	-	13.591.442.565	13.591.442.565
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.285.400.000	73.625.201.345	117.910.601.345
Số cuối năm	-	70.906.733.345	70.906.733.345

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là Tòa nhà TMS tại số 172 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm cuối năm Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

Bất động sản đầu tư được sử dụng cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	24.843.767.791	17.900.746.541
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	3.184.234.344	3.911.799.663
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

Bất động sản đầu tư đã được thế chấp đảm bảo các khoản vay tại Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam – Sở giao dịch.

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Dịch vụ vận chuyển	50,00%	145.027.856.988	50,00%	128.874.317.386
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	Dịch vụ hàng hải	23,99%	90.873.792.849	23,99%	80.975.482.766
Công ty cổ phần vận tải ngoại thương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Dịch vụ hàng hải	24,83%	37.183.049.706	24,83%	32.179.201.144
Transimex (Cambodia) Company Limited ^(iv)	Dịch vụ hàng hải	50,00%	461.255.890	50,00%	586.800.000
Cộng			273.545.955.433		242.615.801.296

(i) Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam với giá trị là 12.525.000.000 VND, tương đương USD 750.000.00, chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ.

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An theo thỏa thuận hợp tác kinh doanh ngày 18 tháng 6 năm 2010 với số tiền đầu tư là 71.250.000.000 VND tương đương 20,21% vốn điều lệ.

(iii) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vận tải ngoại thương với số lượng cổ phiếu là 1.390.400 cổ phiếu, chiếm 24,83% vốn điều lệ.

(iv) Khoản đầu tư vào Transimex (Cambodia) Company Limited với giá mua khoản góp vốn là 586.800.000 VND, chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phân lãi hoặc lỗ trong năm	Phân bổ lợi thế thương mại	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm	Các khoản giảm khác	Thu hồi vốn	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	128.874.317.386	34.144.827.882	-	(15.610.904.500)	(2.380.383.780)	-	145.027.856.988
Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An	80.975.482.766	19.891.086.465	(1.934.299.092)	(11.718.750.000)	3.660.272.710	-	90.873.792.849
Công ty cổ phần vận tải ngoại thương	32.179.201.144	5.456.232.529	-	(695.200.000)	242.816.033	-	37.183.049.706
Transimex (Cambodia) Company Limited	586.800.000	-	-	-	-	(125.544.110)	461.255.890
Cộng	242.615.801.296	59.492.146.876	(1.934.299.092)	(28.024.854.500)	1.522.704.963	(125.544.110)	273.545.955.433

Trong đó, lợi thế thương mại liên quan đến khoản đầu tư vào Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An được theo dõi phân bổ như sau:

Nguyên giá	
Số đầu năm	19.342.990.917
Số cuối năm	19.342.990.917
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	3.167.873.865
Phân bổ trong năm	1.934.299.092
Số cuối năm	5.102.172.957
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	16.175.117.052
Số cuối năm	14.240.817.960

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	1.468.304.386	1.832.781.454	(527.022.347)	2.774.063.493
Chi phí sửa chữa	1.783.190.186	1.590.879.274	(2.668.585.481)	705.483.979
Chi phí liên quan đến Tòa nhà TMS building	169.589.985	347.587.500	(125.405.417)	391.772.068
Chi phí trả trước dài hạn khác	260.468.021	710.152.364	(392.474.009)	578.146.376
Cộng	3.681.552.578	4.481.400.592	(3.713.487.254)	4.449.465.916

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	1.720.457.965	2.225.750.590
Số phát sinh	623.557.089	587.538.360
Số hoàn nhập	(132.659.944)	(1.092.830.985)
Số cuối năm	2.211.355.110	1.720.457.965

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch (*)	49.773.088.380	30.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.27)	15.798.247.655	12.286.447.113
Cộng	65.571.336.035	42.286.447.113

(*) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tòa nhà văn phòng 172 Hai Bà Trưng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH một thành viên bất động sản kho vận giao nhận ngoại thương - TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	30.000.000.000	71.475.770.332	-	(51.702.681.952)	49.773.088.380
Vay dài hạn đến hạn trả	12.286.447.113	-	30.755.974.372	(27.244.173.830)	15.798.247.655
Cộng	42.286.447.113	71.475.770.332	30.755.974.372	(78.946.855.782)	65.571.336.035

20. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp dịch vụ	27.778.146.746	29.187.172.144
Các nhà cung cấp tài sản cố định	153.137.803	17.871.240.000
Cộng	27.931.284.549	47.058.412.144

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.656.465.875	10.371.305.467	(10.800.458.813)	1.227.312.529
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.035.892.282	14.133.553.608	(13.902.208.399)	3.267.237.491
Thuế thu nhập cá nhân	253.910.094	1.863.812.889	(2.012.398.928)	105.324.055
Tiền thuê đất	-	506.703.788	(255.601.894)	251.101.894
Các loại thuế khác	28.442.889	13.000.000	(14.518.297)	26.924.592
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	698.932.796	(477.943.264)	220.989.532
Cộng	4.974.711.140	27.587.308.548	(27.463.129.595)	5.098.890.093

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ giao nhận hàng hóa khu chế xuất 0 %
- Dịch vụ vận chuyển bốc xếp 10 %
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa nội địa 10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Transimex-Saigon	8.973.693.336	6.548.997.646
Công ty TNHH một thành viên bất động sản kho vận giao nhận ngoại thương - TP. Hồ Chí Minh	5.159.860.272	3.463.582.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.133.553.608	10.012.579.888

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Quỹ lương chưa chi.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí giao nhận hàng hóa	5.576.838.571	3.389.168.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.000.000	684.444.078
Chi phí phải trả khác	1.264.574.362	940.867.367
Cộng	6.871.412.933	5.014.479.661

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	327.502.340	452.888.239
Các khoản thu hộ	5.307.091.795	3.378.603.201
Doanh thu chưa thực hiện	3.253.060.425	-
Cổ tức phải trả	16.167.041.874	844.032.950
Các khoản phải trả khác	117.425.000	3.489.276.630
Cộng	25.172.121.434	8.164.801.020

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Chi quỹ hình thành tài sản cố định	Giảm do khấu hao	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.532.475.715	3.888.624.513	40.000.000	(4.239.640.236)	(1.219.765.320)	-	1.001.694.672
Quỹ khen thưởng phúc lợi hình thành tài sản cố định	-	-	1.219.765.320	-	-	(38.117.667)	1.181.647.653
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	579.867.924	759.237.958	-	(1.257.387.641)	-	-	81.718.241
Cộng	3.112.343.639	4.647.862.471	1.259.765.320	(5.497.027.877)	(1.219.765.320)	(38.117.667)	2.265.060.566

26. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

27. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn ngân hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	14.601.526.717
Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	-	6.490.903.896
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	4.800.000.000
Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch (*)	60.510.869.969	30.807.547.800
Cộng	60.510.869.969	56.699.978.413

(*) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam - Sở giao dịch để đầu tư tài sản cố định và mua nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội - Chi nhánh Sài Gòn. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại Khu công nghiệp Sóng Thần II, phường Tân Đông Hiệp, Dĩ An, Bình Dương và nhà kho lưu trữ của Công ty cổ phần Transimex-Saigon tại địa điểm này; công trình xây dựng Cao ốc văn phòng tại 172 Hai Bà Trưng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH một thành viên bất động sản kho vận giao nhận ngoại thương - TP. Hồ Chí Minh.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	15.798.247.655	12.286.447.113
Trên 01 năm đến 05 năm	60.510.869.969	56.699.978.413
Cộng	76.309.117.624	68.986.425.526

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	56.699.978.413	102.747.923.416
Số tiền vay phát sinh	48.929.431.120	30.818.380.765
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(30.755.974.372)	(9.616.325.768)
Số tiền vay đã trả trong năm	(14.362.565.192)	-
Chuyển đổi thành cổ phiếu	-	(67.250.000.000)
Số cuối năm	60.510.869.969	56.699.978.413

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước bằng tiền mặt	21.595.109.475	10.968.720.500
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	13.004.856.000
Cộng	21.595.109.475	23.973.576.500

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.073.824	23.073.824
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	23.073.824	23.073.824
- Cổ phiếu phổ thông	23.073.824	23.073.824
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.073.824	23.073.824
- Cổ phiếu phổ thông	23.073.824	23.073.824
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	823.356.385	842.732.782
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(17.212.802)	(19.376.397)
Số cuối năm	806.143.583	823.356.385

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ giao nhận	218.300.454.915	173.003.080.681
Doanh thu dịch vụ kho vận, sà lan	150.793.297.505	114.817.437.678
Doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ quản lý	28.644.812.627	18.321.220.603
Doanh thu dịch vụ khác	629.829.924	2.798.796.945
Cộng	398.368.394.971	308.940.535.907

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ giao nhận	193.849.855.497	150.990.769.745
Giá vốn dịch vụ kho vận, sà lan	117.549.780.775	86.389.670.786
Giá vốn cho thuê văn phòng và dịch vụ quản lý	4.444.981.856	2.268.404.541
Giá vốn dịch vụ khác	2.472.091.370	3.197.123.023
Cộng	318.316.709.498	242.845.968.095

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.095.327.902	3.584.804.444
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	179.224.706	718.622.750
Lãi đầu tư chứng khoán	-	57.941.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.109.002.400	48.503.006
Lãi chênh lệch tỷ chưa thực hiện	-	498.055.875
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.114.975	20.079.433
Cộng	8.454.669.983	4.928.006.708

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.957.640.956	10.051.503.697
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	58.908.384	29.184.347
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	341.726.950	307.214.096
Chi phí tài chính khác	38.025.074	9.942.704
Cộng	11.396.301.364	10.397.844.844

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	789.750.945	755.619.472
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.200.262	2.812.994
Chi phí dịch vụ mua ngoài	319.840.784	59.823.789
Chi phí khác	44.022.728	36.433.989
Cộng	1.167.814.719	854.690.244

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.343.605.743	11.364.551.662
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.265.708.536	874.152.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	448.179.219	268.354.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.986.347.541	4.709.861.336
Chi phí khác	3.524.866.188	4.071.648.614
Cộng	23.568.707.227	21.288.568.759

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.100.566.323	2.440.727.273
Cho thuê tài sản	656.340.004	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	332.614.700	-
Thu tiền bán hàng hóa	-	21.600.000
Các khoản thu nhập khác	55.927.853	1.156.570.153
Cộng	2.145.448.880	3.618.897.426

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	45.731.486	1.065.655.166
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	38.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	12.278.193	-
Các khoản chi phí khác	1.280.016.123	2.582.143.611
Cộng	1.376.025.802	3.647.798.777

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	97.075.359.347	67.332.042.977
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	97.075.359.347	67.332.042.977
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	23.073.824	21.471.788
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.207	3.136

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	23.073.824	18.275.870
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng	-	913.370
Ảnh hưởng của cổ phiếu chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi	-	2.282.548
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	23.073.824	21.471.788

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.468.007.559	43.630.437.651
Chi phí nhân công	61.713.422.235	50.301.298.039
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.238.558.109	21.390.157.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.058.740.547	161.952.700.256
Chi phí khác	12.678.059.262	7.684.939.044
Cộng	366.156.787.712	284.959.532.002

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền và các giao dịch có liên quan đến tài sản cố định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chuyển nợ phải trả thành vốn chủ sở hữu	-	67.250.000.000
Mua tài sản cố định, bất động sản đầu tư chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp	153.137.803	17.871.240.000
Trả trước tiền mua tài sản cố định	346.738.000	3.418.698.768

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Transimex-Saigon và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Transimex-Saigon - Công ty mẹ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.832.449.224	1.863.044.296
Phụ cấp	24.480.000	28.590.000
Cộng	2.856.929.224	1.891.634.296

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải ngoại thương	Công ty liên kết
Transimex (Cambodia) Company Limited	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	1.170.915.367	840.687.316
Lợi nhuận được chia từ góp vốn tham gia liên doanh	15.610.904.500	-
Công ty TNHH vận tải và xếp dỡ Hải An		
Lợi nhuận được chia	11.718.750.000	3.750.000.000
Transimex (Cambodia) Company Limited		
Góp vốn đầu tư	-	586.800.000
Hoàn trả vốn góp	125.544.110	-
Công ty cổ phần vận tải ngoại thương		
Lợi nhuận được chia	695.200.000	1.390.400.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty liên doanh TNHH Nippon Express Việt Nam		
Dịch vụ cung cấp	436.508.407	39.603.300
Cộng nợ phải thu	436.508.407	39.603.300

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	11.177.289.839	16.982.257.683
Trên 01 năm đến 05 năm	7.137.225.117	13.676.399.170
Cộng	18.314.514.956	30.658.656.853

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Logistics: giao nhận, kho vận...
- Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản: cho thuê tòa nhà và quản lý tòa nhà.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (*xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính*).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và /hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.511.826.514	-	-	-	90.511.826.514
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng	46.093.933.161	-	997.102.842	368.764.560	47.459.800.563
Các khoản phải thu khác	8.204.003.051	-	-	34.808.960	8.238.812.011
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.379.583.627	-	-	19.907.856.296	22.287.439.923
Cộng	152.189.346.353	-	997.102.842	20.311.429.816	173.497.879.011

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và /hoặc bị giảm giá	Cộng
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	87.793.818.663	-	-	-	87.793.818.663
Phải thu khách hàng	34.847.771.943	-	353.471.893	-	35.201.243.836
Các khoản phải thu khác	7.971.926.609	-	-	-	7.971.926.609
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.469.587.376	1.695.976.307	-	-	3.165.563.683
Cộng	132.083.104.591	1.695.976.307	353.471.893	-	134.132.552.791

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	-	-
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	519.515.728	33.320.300
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	321.095.000	304.667.679
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	156.492.114	15.421.285
Quá hạn trên 03 năm	-	62.629
Cộng	997.102.842	353.471.893

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	65.571.336.035	60.510.869.969	126.082.206.004
Phải trả người bán	27.931.284.549	-	27.931.284.549
Các khoản phải trả khác	28.462.971.602	6.037.672.164	34.500.643.766
Cộng	121.965.592.186	66.548.542.133	188.514.134.319
Số đầu năm			
Vay và nợ	42.286.447.113	56.699.978.413	98.986.425.526
Phải trả người bán	47.058.412.144	-	47.058.412.144
Các khoản phải trả khác	12.726.392.442	5.717.108.652	18.443.501.094
Cộng	102.071.251.699	62.417.087.065	164.488.338.764

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có các giao dịch cung cấp hoặc nhận dịch vụ trong lĩnh vực logistics với các đối tác nước ngoài và đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD	SGD	HKD	USD	SGD	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.359,69	-	2.500,00	240.715,33	-	2.500,00
Phải trả người bán	-	(5.000,00)	-	-	(5.000,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	72.359,69	(5.000,00)	2.500,00	240.715,33	(5.000,00)	2.500,00

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tập đoàn có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 126.082.206.004 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 98.986.425.526 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Transimex-Saigon đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.511.826.514	-	87.793.818.663	-	90.511.826.514	87.793.818.663
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	-	-	5.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	47.459.800.563	(403.573.520)	35.201.243.836	(403.573.520)	47.056.227.043	34.797.670.316
Các khoản phải thu khác	8.238.812.011	-	7.971.926.609	-	8.238.812.011	7.971.926.609
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.287.439.923	(1.384.314.257)	3.165.563.683	(1.042.587.307)	20.295.665.943	2.122.976.376
Cộng	173.497.879.011	(1.787.887.777)	134.132.552.791	(1.446.160.827)	171.102.531.511	132.686.391.964

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	126.082.206.004	98.986.425.526	126.082.206.004	85.614.652.328
Phải trả người bán	27.931.284.549	47.058.412.144	27.931.284.549	47.058.412.144
Các khoản phải trả khác	34.500.643.766	18.443.501.094	34.500.643.766	18.443.501.094
Cộng	188.514.134.319	164.488.338.764	188.514.134.319	151.116.565.566

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, các khoản phải trả khác ngắn hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch của 3 Công ty chứng khoán công bố.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay và các khoản phải thu, phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất chỉ bao gồm 09 tháng (từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012) do Tập đoàn chuyển đổi năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm trước đến ngày 31 tháng 3 năm sau sang năm tài chính theo năm dương lịch.

Ngoài ra, Tập đoàn cũng trình bày phân loại lại số đầu năm liên quan đến Lợi thế thương mại của các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Việc phân loại này ảnh hưởng các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	226.440.684.244	16.175.117.052	242.615.801.296
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	226.440.684.244	16.175.117.052	242.615.801.296
Lợi thế thương mại	269	16.175.117.052	(16.175.117.052)	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Nguyễn Hữu Tuấn
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 01 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	182,758,700,000	141,750,667,853	523,079,201	31,548,341,630	8,777,273,107	104,435,939,714	469,794,001,505
Tăng vốn từ trái phiếu chuyển đổi	38,845,840,000	28,404,160,000	-	-	-	-	67,250,000,000
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	9,133,700,000	(9,133,700,000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	67,332,042,977	67,332,042,977
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(24,814,051,400)	(24,814,051,400)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	4,983,832,218	1,661,277,406	(10,218,342,494)	(3,573,232,870)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	(523,079,201)	-	-	-	(523,079,201)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	230,738,240,000	161,021,127,853	-	36,532,173,848	10,438,550,513	136,381,461,955	575,111,554,169
Số dư đầu năm nay	230,738,240,000	161,021,127,853	-	36,532,173,848	10,438,550,513	136,381,461,955	575,111,554,169
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(36,918,118,400)	(36,918,118,400)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	3,796,189,788	1,265,396,596	(9,709,448,854)	(4,647,862,470)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	230,738,240,000	161,021,127,853	-	40,328,363,636	11,703,947,109	188,445,061,693	632,236,740,291

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Tuấn
Người lập biểu

Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 02 : THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiến của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Lĩnh vực Logistics		Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	369,723,582,344		28,644,812,627	-	398,368,394,971
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	21,322,738,396		175,319,778	(21,498,058,174)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	391,046,320,740		28,820,132,405	(21,498,058,174)	398,368,394,971
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	36,722,036,219		18,593,127,308	-	55,315,163,527
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					55,315,163,527
Doanh thu hoạt động tài chính					8,454,669,983
Chi phí tài chính					(11,396,301,364)
Thu nhập khác					2,145,448,880
Chi phí khác					(1,376,025,802)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	57,557,847,784		-	-	57,557,847,784
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(14,133,553,608)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					490,897,145
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					97,058,146,545
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	44,684,791,374		523,703,500	(1,527,594,130)	43,680,900,744
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	33,052,790,948		2,871,671,175	-	35,924,462,123
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiến (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-		-	-	-

PHỤ LỤC 02 : THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

Năm trước	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	287,820,518,359	21,120,017,548	-	308,940,535,907
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	287,820,518,359	21,120,017,548	-	308,940,535,907
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	31,900,675,876	12,050,632,933	-	43,951,308,809
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	43,951,308,809
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	4,928,006,708
Chi phí tài chính	-	-	-	(10,397,844,844)
Thu nhập khác	-	-	-	3,618,897,426
Chi phí khác	-	-	-	(3,647,798,777)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	39,377,969,771
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(10,012,579,888)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	(505,292,625)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	67,312,666,580
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10,786,590,388	44,301,057,120	-	55,087,647,508
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21,071,249,964	2,679,493,239	-	23,750,743,203
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	17,871,240,000	-	17,871,240,000

TP: Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014



Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 02: THÔNG TIN VỀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (TIẾP THEO)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực Logistics	Lĩnh vực cho thuê và quản lý bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	478,101,561,452	77,387,347,814	-	555,488,909,266
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				281,021,642,676
Tổng tài sản				836,510,551,942
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	188,119,449,560	13,051,893,943	-	201,171,343,503
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	2,296,324,565
Tổng nợ phải trả				203,467,668,068
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	370,510,336,546	138,708,633,192	-	509,218,969,738
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				246,459,235,637
Tổng tài sản				755,678,205,375
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	118,297,310,213	58,302,376,970	-	176,599,687,183
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				3,143,607,638
Tổng nợ phải trả				179,743,294,821



Lê Ngọc Hồng
Người lập biểu



Lê Văn Hùng
Kế toán trưởng



Lê Duy Hiệp
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2014

30 Năm





KHÔNG NGỪNG NỖ LỰC ĐỂ TRỞ THÀNH MỘT
TRONG NHỮNG CÔNG TY HÀNG ĐẦU CỦA
VIỆT NAM TRÊN LĨNH VỰC DỊCH VỤ LOGISTICS



GENERAL INFORMATION

Company's Vietnamese name:	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX-SAIGON
Company's English name:	TRANSIMEX-SAIGON CORPORATION
Transaction name:	TRANSIMEX-SAIGON
Securities code:	TMS
Address of head office:	9-10 th Fl, TMS BUILDING, 172 Hai Ba Trung St., Dakao Ward, Dist. 1, HCMC
Tel:	+84-8-2220 2888
Fax:	+84-8-2220 2889
Email:	info@transimexsaigon.com
Website:	www.transimexsaigon.com
Charter capital:	VND 230.738.240.000 (Two hundred thirty billion seven hundred thirty eight million two hundred forty thousand dong)
Quantity of share issued:	23.073.824 Common shares
Account at:	Vietcombank-Ho Chi Minh City Branch
Account No.:	VND 007.100.0006146; USD 007.137.0082671
Certificate of Business Registration No.:	0301874259, Registered for revision the 22nd, issued on Apr 10th 2013 by HCMC Department of Planning and Investment.

FORMATION PROCESS

ESTABLISHMENT

Transimex-Saigon used to be a State-owned business was established in 1983 with its headquarter located at 172 Hai Ba Trung St., Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City.

EQUITIZATION

On January 01, 2000, Transimex Saigon was officially transformed into a joint stock company with an initial charter capital of VND 22,000,000,000 under Decision No 989/QĐ-TTg dated October 26, 1999 by the Prime Minister.

INITIAL PUBLIC OFFERING

On August 04, 2000, 2,200,000 shares of Transimex-Saigon was officially listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) with an initial value of VND 14,000 each. The company's stock code is TMS.

CHANGING COMPANY'S NAME

On November 20, 2012, Transforwarding Warehousing Corporation Hochiminh City was officially transformed into Transimex-Saigon Corporation, by HCMC Department of Planning and Investment.

DEVELOPMENT PROCESS

Over the 30 years of development since its establishment in 1983, Transimex-Saigon has maintained its main lines of business and set up some new lines over which the company has an advantage. The current lines of business are as follows:

- International freight forwarding sea-air-land, Logistics services.
- Bonded warehouse service; Cold Storage and Cold chain services; Distribution Center, container freight station (CFS) service; Warehousing and port service; customs clearance service; shipping agency and cargo broker.
- Warehousing; Cargo loading & unloading service.
- Transit cargo services; Cargo labelling, scanning, packaging.
- Land cargo transportation; Multimodal transportation; Cross-border transport.
- Waterway transportation-Barging service.
- Financial and stock trade.
- Office leasing; real estate project investment and development.
- Courier express-Travel services-Trading

TRANSIMEX-SAIGON
9th & 10th Fl., TMS Building, 172 Hai Ba Trung St.,
Da Kao Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam.
Tel : (84-8) 2220 2888 (16 lines)
Fax : (84-8) 2220 2889
Email : info@transimexsaigon.com
Website : www.transimexsaigon.com



A TOTAL LOGISTICS PROVIDER